ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN VÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

(TAPACK)

tantien

TAPACK

Since 1966

(*Giấy chứng nhận ĐKKD Số 4103002999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/ 2004 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/10/ 2006)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Đăng ký phát hành số 172/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 09 năm 2007)

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. **Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến**

- 117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thời Hoà, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 9612279 Fax: (84-8) 9612641

2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

- 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 8242897 Fax: (84-8) 8247430

3. **Chi nhánh Công ty SSI tại Hà Nội**

- 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 9366 321

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Lê Minh Cường** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-8) 9612279 Fax: (84-8) 961264

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN (TAPACK)

(Giấy chứng nhận ĐKKD Số 4103002999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/ 2004 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/10/ 2006)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến (TTP)**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**

Giá chào bán dự kiến:

- **Đối tượng 1:** chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
- **Đối tượng 2:** phát hành cho cổ đông hiện hữu **10.000 đồng/cổ phiếu**
- **Đối tượng 3:** phát hành cho CBCNV chủ chốt **10.000 đồng/cổ phiếu**
- **Đối tượng 4:** phát hành cho Nhà đầu tư lớn với giá tối thiểu bằng giá bảo lãnh phát hành.

Tổng số lượng chào bán: **4.345.000 cổ phiếu**

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 1.065.500 cổ phiếu
- Chia cổ phiếu thưởng: 1.065.500 cổ phiếu
- Phát hành cho CBCNV chủ chốt: 500.000 cổ phiếu
- Phát hành riêng lẻ: 1.714.000 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành: **43.450.00.000 đồng**
(tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 242 897 Fax: (84.8) 8 247 430

E-mail: ssi@ssi.com.vn. Website: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8205944 Fax: (84.8) 820594

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **1**

1. Rủi ro về kinh tế **1**

2. Rủi ro về luật pháp **1**

3. Rủi ro đặc thù **1**

4. Rủi ro của đợt chào bán **2**

5. Rủi ro khác **2**

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **3**

1. Tổ chức phát hành **3**

2. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành **3**

III. CÁC KHÁI NIỆM **3**

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÔ CHỨC PHÁT HÀNH **4**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển **4**

2. Cơ cấu tổ chức Công ty **5**

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty **6**

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 12/03/2007: **9**

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành. **9**

6. Hoạt động kinh doanh **9**

6.1 Sản lượng sản phẩm 9

6.2 Nguyên vật liệu 14

6.3 Chi phí sản xuất 16

6.4 Trình độ công nghệ 17

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 19

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm 19

6.7 Hoạt động marketing 19

6.8 Nhãn hiệu thương mại của Công ty 20

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 21

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất **22**

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất 22

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 22

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 23

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành 23

8.2 Triển vọng phát triển của ngành 24

9. Chính sách đối với người lao động 24

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty 24

9.2 Chính sách đối với người lao động 25

10. Chính sách cổ tức 26

11. Tình hình hoạt động tài chính 26

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản 26

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 29

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát 31

13. Tài sản 38

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 39

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 39

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành 39

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán 40

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 40

1. Loại cổ phiếu 40

2. Mệnh giá 40

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán 40

4. Giá chào bán dự kiến 40

5. Phương pháp tính giá 40

6. Phương thức phân phối 41

7. Thời gian phân phối cổ phiếu 41

8. Kế hoạch đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền 41

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 48

10. Các loại thuế có liên quan 48

11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 49

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 49

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH 51

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH 52

1. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành **52**

2. Tổ chức kiểm toán **52**

IX. PHỤ LỤC **54**

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam những năm qua đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định năm 2006 đạt 8,17% và theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế thì tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới sẽ lạc quan và duy trì ở mức cao từ 8%/năm trở lên. Đó là cơ hội phát triển với ngành công nghiệp nhựa nói chung và ngành bao bì nói riêng.

Tân Tiến là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công bán thành sản phẩm làm tư liệu sản xuất cho các doanh nghiệp sản xuất khác nên kết qủa hoạt động sản xuất kinh doanh của Tân Tiến phụ thuộc hoàn toàn vào hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp này. Đồng thời sự phát triển của các doanh nghiệp này lại phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế, do đó sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ gây ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trên 90% nguyên vật liệu sản xuất chính của Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài, chiếm khoảng từ 50% - 70% giá thành sản xuất của công ty. Do đó, sự thay đổi về chính sách ngoại hối và biến động về tỷ giá hối đoái sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành bao bì nhựa của Tân Tiến liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường và sức khoẻ cộng đồng.

Hiện nay Tân Tiến luôn phải đảm bảo tuân thủ các qui định nghiêm ngặt về môi trường như tiêu chuẩn sản phẩm bao bì, về xử lý nước thải, ô nhiễm ..., những vấn đề này rất nhạy cảm vì một khi mức sống tăng cao, yêu cầu về tiêu chuẩn sức khoẻ cũng tăng theo. Do đó một sự thay đổi về chính sách của Chính phủ có thể ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến công tác quản trị và hiệu qủa hoạt động sản xuất của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay, phần lớn nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm của Công ty (màng nhựa, hạt nhựa PE,…) phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thời gian vừa qua nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa tăng mạnh, nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu nhựa của các quốc gia lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan tăng cao cùng với việc giá dầu thô trên thế giới tăng cao cùng với việc giá dầu thô trên thế giới tăng cao làm giá của các loại nguyên vật liệu nhập khẩu tăng mạnh gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hầu hết các nguyên liệu nhựa có nguồn gốc từ dầu mỏ và phần lớn (55%-65%) có xuất xứ từ các nước sản xuất dầu mỏ hàng đầu thế giới như Iran, Iraq, Kuwait, Ả Rập Saudi ... Những năm vừa qua, tình hình biến động về kinh tế, chính trị tại các quốc gia này thường xuyên xảy ra

làm ảnh hưởng rất lớn đến giá cả nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới do đó ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Trong thời gian các năm vừa qua, mặt dù Tân Tiến đã áp dụng nhiều biện pháp để hạn chế ảnh hưởng biến động giá nguyên vật liệu và ít nhiều thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, việc biến động giá ngyên vật liệu phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố bên ngoài, vào tình hình kinh tế, chính trị cuả các quốc gia trên mà Tân Tiến không thể lường trước được, do đó những nỗ lực của Tân Tiến cũng không hoàn toàn giảm thiểu rủi ro này.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Sự thành công của đợt phát hành này phụ thuộc nhiều vào đối tượng 4. Do đó Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến đã ký hợp đồng bảo lãnh phát hành với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn cam kết mua lại số cổ phiếu chưa thực hiện bán hết. Rủi ro này chỉ xảy ra đối với đối tượng 2 và 3 phát hành bằng mệnh giá.

Số lượng vốn huy động từ đợt phát hành này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư. Nếu việc triển khai các dự án không đúng tiến độ sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của Tapack. Bên cạnh việc huy động vốn tài trợ dự án, Tapack cũng phải điều động nhân sự tham gia các dự án đầu tư, điều này cũng có thể ảnh hưởng đến lực lượng lao động hiện tại của Tapack nếu không có sự đầu tư và chuẩn bị kỹ càng.

Việc chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường, do đó nếu Công ty vẫn chủ trương duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức như cũ thì cần lượng tiền chi trả cổ tức sẽ nhiều hơn và ảnh hưởng lợi nhuận giữ lại. Trong trường hợp kinh doanh có biến động lớn, hoặc có những cơ hội kinh doanh mới trong khi các dự án đầu tư chưa sinh lời, Công ty có thể gặp những áp lực về việc trả cổ tức cũng như nguồn vốn cho đầu tư.

5. Rủi ro khác

Nhựa là sản phẩm dễ bắt cháy nên nguy cơ xảy ra hoả hoạn là rất lớn. Bên cạnh đó, các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, không thể lường trước được. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản và gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông LÊ MINH CƯỜNG	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà ĐOÀN THU NHẠN	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông CHẾ ANH TUẤN	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành

Ông NGUYỄN HỒNG NAM Chức vụ: Giám đốc điều hành

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán và niêm yết bổ sung do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành với Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến (Tapack). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Nghị định 144/CP: Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- TTGDCK Tp.HCM: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty: Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.
- Tapack: Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.
- ISO 9001:2000: Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống đảm bảo chất lượng trong thiết kế, phát triển, sản xuất, lắp đặt và dịch vụ - Phiên bản 2000

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN**
- Tên giao dịch đối ngoại: **TAN TIEN PLASTIC PACKAGING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch viết tắt: **TAPACK**
- Trụ sở chính:

  Công ty đặt trụ sở chính tại 117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thời Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại: (84-8) 9612279 Fax: (84-8) 9612641

  Email: tantien@hcm.fpt.vn Website: www.tapack.com
- Mã số thuế: 0300391040
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài gòn
- Tài khoản đồng Việt Nam: 140.10.00.0016973
- Tài khoản ngoại tệ: 140.10.37.0011866
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến được thành lập từ năm 1966 với tên gọi ban đầu là Việt Nam Nhựa dẻo Công ty (Simiplast). Lúc bấy giờ Simiplast là Doanh nghiệp đầu tiên có trang bị hệ thống sản xuất bao bì màng ghép phức hợp tại Miền Nam Việt Nam. Máy móc thiết bị hầu hết là của Nhật Bản, những sản phẩm đầu tiên lúc đó chủ yếu là nhựa ghép giấy, vải giả da v.v…

Sau giải phóng năm 1975, Công ty được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 45/CNN/TCQL ngày 13/01/1977 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp).

Ngày 07/5/1993, Doanh nghiệp nhà nước Nhà máy Nhựa Tân Tiến chính thức được thành lập lại theo Quyết định số 451/CNN/TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Ngày 29/4/1994 được đổi tên thành Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 449/QĐ-TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Tháng 12/2002, Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9002:1994.

Đầu năm 2003, Công ty đưa vào hoạt động một nhà máy sản xuất mới tại Khu Công nghiệp Tân Bình với tổng diện tích là 50.000 m^2.

Tháng 06/2003, Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9001:2000.

Thực hiện Quyết định số 624/QĐ-TCCB ngày 23/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Đến ngày 28/12/2004 Công ty đã được Sở

Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với tên gọi chính thức là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Ngày 09/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định số 70/UBCK-GPNY về việc cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến trên TTGDCK Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 10.655.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 106.550.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000 đồng /cổ phiếu).

Ngày 24/11/2006, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số 46/2006/GCNCP/CNTTLK chứng nhận Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến đã đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 05/12/2006 với mã chứng khoán: TTP.

Trong năm 2007, Công ty sẽ chính thức đưa vào hoạt động dự án mở rộng nhà xưởng tại Nhà máy bao bì số 2 (Khu công nghiệp Tân Bình) và dự kiến năng lực của Công ty sẽ tăng lên trên 30%.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

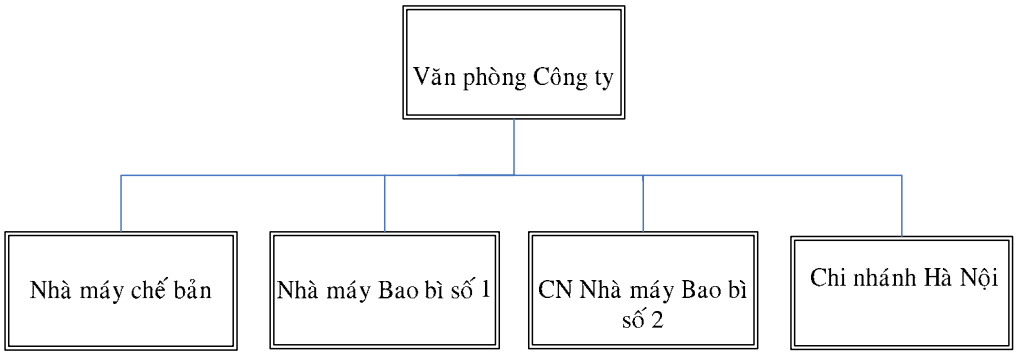

Bảng 1: *Cơ cấu tổ chức Công ty*

STT	Nội dung	Địa chỉ	Điện thoại - Fax
1	Văn phòng công ty	117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM	(84-8) 9612279 (84-8) 9612641
2	Nhà máy chế bản	117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM	(84-8) 9612279 (84-8) 9612641
3	Nhà máy bao bì số 1	117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM	(84-8) 9612279 (84-8) 9612641
4	Nhà máy bao bì số 2	Khu Công nghiệp Tân Bình	(84-8) 8163050 (84-8) 8162661
5	Chi nhánh tại Hà Nội	Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	(84-4) 8771620 (84-4) 8771620

Văn phòng Công ty hiện nay bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành chung, một Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, Khối văn phòng (bao gồm: Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật đầu tư, Phòng Xuất nhập khẩu, Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Đảm bảo chất lượng và Phòng Cơ điện), Khối sản xuất (bao gồm: Nhà máy chế bản, Nhà máy bao bì số 1, Nhà mày bao bì số 2), và Chi nhánh tại Hà Nội. Chức năng cụ thể như sau:

- Nhà máy chế bản in: giao dịch trực tiếp với khách hàng, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm soát công tác thiết kế mẫu cho khách hàng, đảm bảo mẫu thiết kế đúng tiêu chuẩn để tạo ra những sản phẩm đúng chất lượng và quy cách theo yêu cầu của khách hàng.
- Nhà máy bao bì số 1, số 2: chịu trách nhiệm chính trong việc sản xuất ra sản phẩm bao bì để cung cấp cho khách hàng.
- Chi nhánh tại Hà Nội: cũng là nơi sản xuất bao bì như hai nhà máy bao bì số 1 và số 2, đồng thời là nơi trung chuyển hàng hoá để cung cấp cho các khách hàng của Công ty tại khu vực phía Bắc.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 5 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 5 năm và có thể được bầu lại.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty…. Ban kiểm soát Công ty hiện có 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và được thông qua hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên, là người tổ chức điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo định hướng và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

- Phòng Kinh doanh: chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và triển khai chiến lược tiếp thị sản phẩm, bao gồm định hướng sản phẩm, đối tượng khách hàng, giá cả và chế độ khuyến mãi. Kiểm soát chiến lược bán hàng và lập kế hoạch sản xuất. Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng và hậu mãi...

- Phòng Tài chính kế toán chịu: trách nhiệm thiết lập, triển khai và kiểm soát chính sách, hệ thống quy trình kế toán tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện công tác quản trị tài chính tại Công ty, xem xét và đề xuất các giải pháp với Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát chi phí.
- Phòng Tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho toàn Công ty; xây dựng quy trình tuyển dụng; xây dựng và kiểm soát thực thi Nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể; giải quyết các tranh chấp về lao động và xây dựng các chương trình huấn luyện và đào tạo… Chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện công việc về hành chính, y tế, an ninh… Thiết lập và duy trì tốt mối quan hệ với các cơ quan chức năng. Tổ chức thực hiện an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm;
- Phòng Kỹ thuật công nghệ: tổ chức xây dựng định mức sản xuất, xây dựng và giám sát việc áp dụng chính sách, tiêu chuẩn, quy trình về kỹ thuật công nghệ như: lưu trữ mẫu, định mức sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật công nghiệp…, tổ chức xét duyệt mẫu thiết kế, giải quyết khiếu nại của khách hàng. Phụ trách đào tạo về công nghệ cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Phòng đảm bảo chất lượng (QA): chịu trách nhiệm quản lý và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001: 2000 toàn Công ty. Chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo về chất lượng từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra.
- Phòng Cơ điện: chịu trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát quy trình sửa chữa và bảo quản máy móc thiết bị, đánh giá yếu tố kỹ thuật của các máy móc thiết bị chuẩn bị mua, đề xuất các quy định về ATLĐ-PCCN, tổ chức và giám sát việc thực thiện các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, chất thải.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY TAPACK

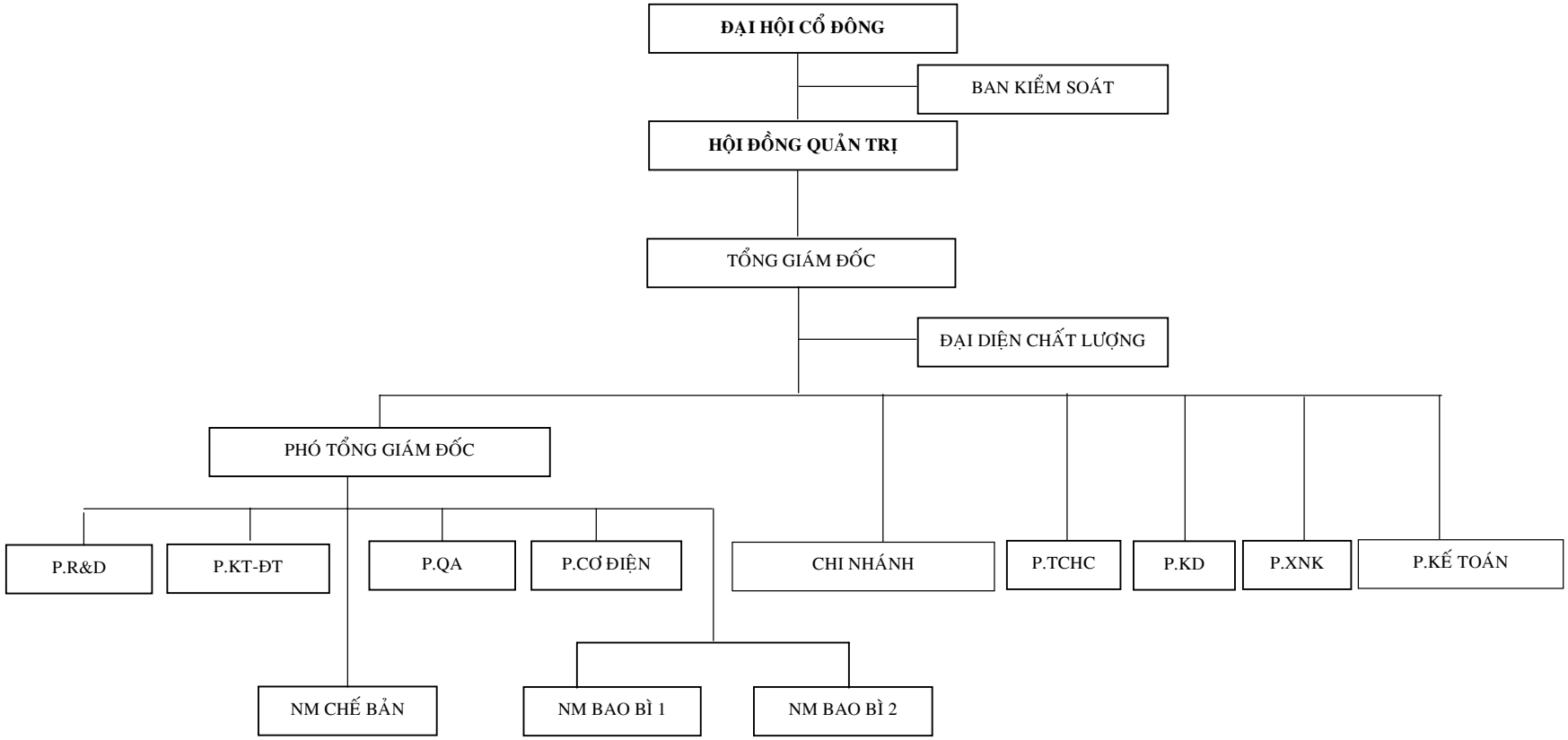

Ghi chú: Đơn vị tổ chức không nằm trong phạm vi của hệ thống chất lượng nói trong sổ tay chất lượng này.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 12/03/2007:

Bảng 2: *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn Điều lệ trở lên*

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Lê Minh Cường - Bùi Quang Thịnh - Đoàn Thu Nhạn	6 Phan Huy Chú – HN 574/41 Nguyễn Kiệm, P.4, Quận Phú Nhuận 28/14 Phan Đình Giót – Q. Tân Bình K1-K5 Bửu Long – F15-Quận10-TP HCM	3.414.125	34.141.250.000	32,04%
2	VOF Investment LTD	611/66 Điện Biên Phủ - Q3 – Tp. HCM	883.980	8.839.800.000	8,30%
	Tổng cộng		**4.298.105**	**42.981.050.000**	**40,34%**

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm

a. Các nhóm sản phẩm chính

Sản phẩm chủ yếu cuả Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến là các mặt hàng bao bì nhựa phức hợp, trong đó bao bì thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm khoảng 80% sản lượng. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia hoạt động gia công chế bản trục in cho khách hàng. Sản phẩm bao bì của Công ty hiện nay được chia thành các nhóm sản phẩm như: Bánh kẹo, bột ngọt, bột giặt, mỹ phẩm, hàng đông lạnh, mì ăn liền, thực phẩm chế biến, thuốc trừ sâu …

MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

Bao bì bột ngọt:

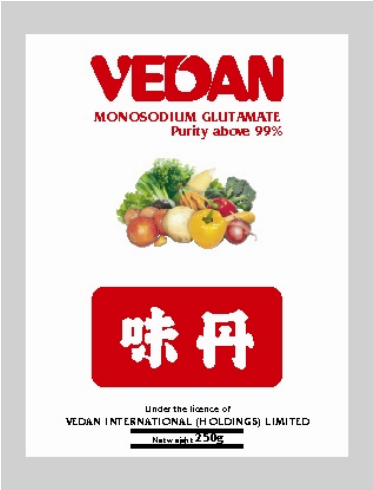

Bao bì bột giặt, mỹ phẩm

Bao bì đông lạnh, mì ăn liền

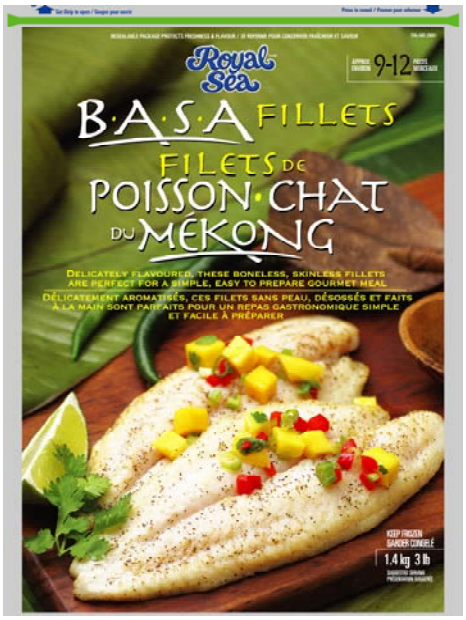

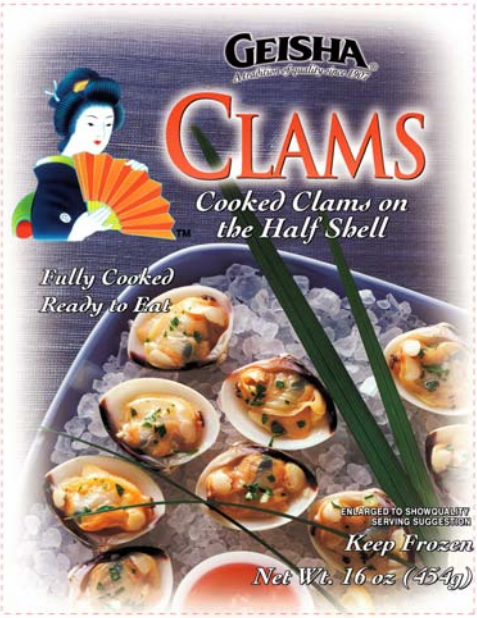

Bao bì thực phẩm

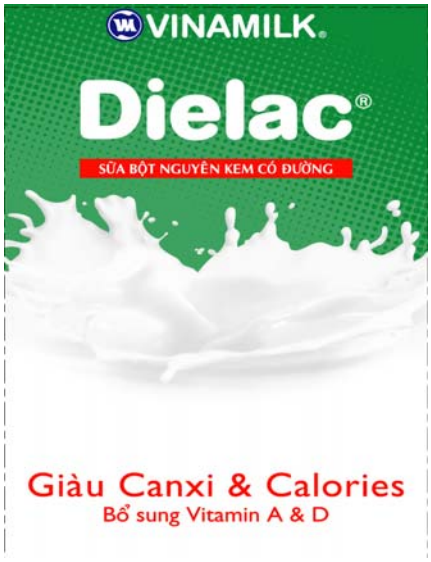

b.Doanh thu sản phẩm Tapack qua các năm

Bảng 3: *Cơ cấu doanh thu bán hàng giai đoạn 2005 – Quý I1/2007*

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		Quý II/2007	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Sản xuất bao bì	663.879	96,7%	735.341	96,8%	390.487	98,05%
Chế bản trục in	13.682	2,0%	11.774	1,6%	2.108	0,53%
Kinh doanh khác	8.638	1,3%	11.952	1,6%	5.677	1,43%
Tổng giá trị	**686.199**	**100%**	**759.069**	**100%**	**398.272**	**100%**

Nguồn: Tapack

6.2 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính để sản xuất ra các sản phẩm của Công ty chủ yếu là các loại hạt nhựa dùng để tráng màng và thổi màng như: hạt PP, hạt PE, hạt HD, hạt LDPE, ... và các loại màng nhựa dùng để ghép màng và in sản phẩm như: màng OPP, màng PET, AlFoil, PA, PVC, MPET, MCPP, CPP, LLDPE … Các loại nguyên vật liệu chính này chiếm tỷ trọng bình quân từ 50%-70% giá vốn hàng bán của Công ty tùy thuộc vào từng loại bao bì khác nhau

Bên cạnh nguyên vật liệu chính kể trên, Công ty còn sử dụng một số phụ liệu khác để sản xuất ra sản phẩm như: mực in (80% mua trong nước), keo ghép màng (100% nhập khẩu), dung môi, nòng giấy, thùng carton (mua trong nước), mực in, băng keo (70% mua trong nước). Giá trị phụ liệu hiện nay chiếm tỷ trọng bình quân từ 20% đến 30% giá vốn hàng bán của Công ty.

a. Nguồn nguyên vật liệu

Phần lớn nguyên vật liệu nhựa nhập khẩu của Công ty là từ các nước trong khu vực ASEAN như Thái lan, Indonesia, Phillipine và Malaysia do chi phí vận chuyển và thuế nhập khẩu thấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng nhập khẩu một số nguyên vật liệu nhựa của các nhà cung cấp có xuất xứ từ Mỹ, Ý, Bỉ, Nhật, Hàn Quốc ...

Nguồn nguyên nhiên vật liệu của Công ty được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn, có uy tín nên Công ty luôn đảm bảo được yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Là doanh nghiệp lớn, uy tín trong ngành bao bì nhựa, có mối quan hệ rất tốt với nhiều nhà cung cấp lớn trong và ngoài nước nên Tân Tiến luôn có nhiều sự lựa chọn để mua được những nguồn nguyên vật liệu, phụ liệu có giá cạnh tranh.

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Theo số liệu ghi nhận được thì ngành nhựa Việt Nam hiện nay vẫn đang phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (trên 90%), để có đủ nguyên liệu cho sản xuất, hàng năm ngành nhựa phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu với khoảng 1,5-2 triệu tấn, chưa kể hàng trăm loại hoá chất phụ trợ khác.

Nguồn cung ứng nguyên vật liệu nhựa trên thế giới hiện nay là rất dồi dào va sự khan hiếm nếu có chỉ là những diễn biến có tính chất dự báo trước. Điển hình là sự khan hiếm nguyên liệu nhựa vào thời điểm cuối năm 2003, hiện tượng này là bình thường do đây là thời điểm một số nhà sản xuất nguyên liệu nhựa lớn trên thế giới đến kỳ bảo dưỡng định kỳ từ hai đến ba năm/lần.

Theo đánh giá của Công ty thì nguồn cung ứng nguyên vật liệu hiện nay là rất ổn định. Các nhà cung ứng nguyên vật liệu cho Tân Tiến là các nhà sản xuất lớn, uy tín, sản lượng cung ứng dồi dào. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách dự trữ nguyên vật liệu một cách linh hoạt, hợp lý đảm bảo cho việc sản xuất được liên tục.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa Việt Nam thì từ nay đến năm 2010, ngành nhựa sẽ tăng tỷ lệ nội địa hoá nguyên vật liệu lên trên 50% và dần dần thay thế nguyên liệu nhập khẩu. Đây cũng là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhựa trong nước trong việc chủ động được nguồn nguyên liệu nhựa, trong đó có Bao bì Nhựa Tân Tiến.

c. Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đối với doanh thu

Hiện nay, đa số chi phí nguyên vật liệu của các doanh nghiệp nhựa chiếm khoảng 70-75% giá thành sản phẩm, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu nhập khẩu sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhựa.

Đối với Tân Tiến thì sự biến động giá nguyên liệu chỉ gây ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn. Trong dài hạn, sự ảnh hưởng này là không đáng kể do Công ty có thể điều chỉnh tăng giá sản phẩm bán ra.

Trong những năm qua Công ty cũng đã áp dụng nhiều biện pháp để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của biến động giá nguyên liệu đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty như:

- Hàng tháng nắm bắt, cập nhật thông tin giá cả nguyên liệu nhựa trên thị trường trong nước và quốc tế để phục vụ cho công tác dự trữ nguyên vật liệu khi giá tăng đột biến.
- Phân loại yêu cầu về chất lượng và tổ chức mua nguyên vật liệu cho phù hợp với từng nhóm sản phẩm (cao cấp, trung và thấp).
- Tìm kiếm thêm nhà cung cấp mới để tránh bị ảnh hưởng từ việc tăng giá nguyên liệu và sự khan hiếm nguyên vật liệu khi lượng cầu từ các thị trường lớn như Trung Quốc, Thái Lan tăng lên.
- Hướng đến tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước để hạn chế ảnh hưởng của giá nguyên liệu và thời gian cung cấp hàng.
- Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho cũng như giảm thiểu hao hụt trong quá trình sản xuất.

Trong năm 2005 do giá nguyên vật liệu nhựa bình quân đã được bình ổn và giảm so với năm trước nên tỷ lệ Lợi nhuận gộp/Doanh thu năm 2005 đạt 9,28%. Đến năm 2006, Công ty vẫn đạt được tỷ lệ khá cao là 11,44% tăng 23.26% so với năm 2005 và trong quí 1/2007 tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của Công ty đã là 10,35%.

Bảng 4: *Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2005 – Quý I1/2007*

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý II/2007
Doanh thu thuần	686.199	759.069	206.090
Lợi nhuận gộp	63.668	86.807	27.258
Tỷ lệ Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	9,28%	11,44%	13,23%

Nguồn: Tapack

6.3 Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

Bảng 5: *Cơ cấu chi phí giá vốn 2005 – Quý I1/2007*

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		Quý II/2007	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Gián vốn hàng bán	622.531	90,72%	672.261	88,56%	178.833	86,77%
Chi phí bán hàng	10.116	1,47%	11.020	1,45%	2.569	1,25%
Chi phí QLDN	11.422	1,66%	16.998	2,24%	4.433	2,15%
Chi phí tài chính	8.055	1,17%	5.089	0,67%	2.453	1,19%
Tổng	**652.124**	**95,02%**	**705.368**	**92,93%**	**188.288**	**91,36%**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý II/2007

Trong các khoản mục chi phí của Công ty thì Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng khoảng 90% so với doanh thu thuần (trong đó chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70%). Hiện nay, tỷ lệ sản phẩm hỏng và hao hụt theo thống kê bình quân khoảng từ 9-12%.

Tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần năm 2006 là 92,93% giảm 2,09% so với năm 2005, trong đó:

- Giá vốn hàng bán: năm 2006 chiếm tỷ trọng 88,56% so với doanh thu thuần, giảm 2,16% so với năm 2005. Lý do là năm 2006 Công ty cũng đã có những nổ lực đáng kể trong việc chủ động trong việc dự trữ nguồn nguyên vật liệu, kiểm soát chi phí, giảm hao hụt nguyên liệu trong quá trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.
- Chi phí bán hành và chi phí quản lý doanh nghiệp: tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2006 là 1,45% giảm 0,02% so với tỷ trọng năm 2005. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2006 là 2,24% tăng 0,58% so với năm 2005.Năm 2006 chi

phí quản lý doanh nghiệp tăng so với năm 2005 do năm 2006 là thứ 02 Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức mới. Bên cạnh đó cũng phải ghi nhận sự tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí bán hàng của Công ty trong năm tài chính 2005.

- Chi phí tài chính: tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu năm 2006 so với năm 2005 giảm 0,50%. Chi phí tài chính năm 2006 giảm so với năm 2005 là do năm 2006 Công ty đã giảm các khoản vay ngắn và dài hạn.

6.4 Trình độ công nghệ

a. Máy móc thiết bị

Tân Tiến được xem là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất bao bì phức hợp. Trình độ máy móc thiết bị của Tân Tiến được đánh giá thuộc loại tiên tiến nhất so với các doanh nghiệp trong nước và tương đương với các doanh nghiệp khác trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Indonesia …

Đa số máy móc sản xuất của Công ty được có xuất xứ từ các nước công nghiệp có nền công nghiệp nhựa rất phát triển như: Máy in 8 màu của Nhật, Máy khắc trục in của Mỹ, Hệ thống mạ trục KASPAR WALTER, Máy thổi màng 3 lớp REIFENHAUSER của Đức, Máy tráng 2 líp OSG -TDELS1200 của Hàn Quốc, Máy in thử của Anh, Máy tráng khô LAMINASTA của Pháp, Máy làm túi, hàn lưng của Đài Loan ...

Công suất hoạt động máy móc thiết bị của Tân Tiến hiện nay theo ước tính đạt khoảng từ 85-90% so với công suất thiết kế, trình độ tự động hoá đạt trên 50%.

b. Quy trình sản xuất bao bì nhựa: *(xem trang bên)*

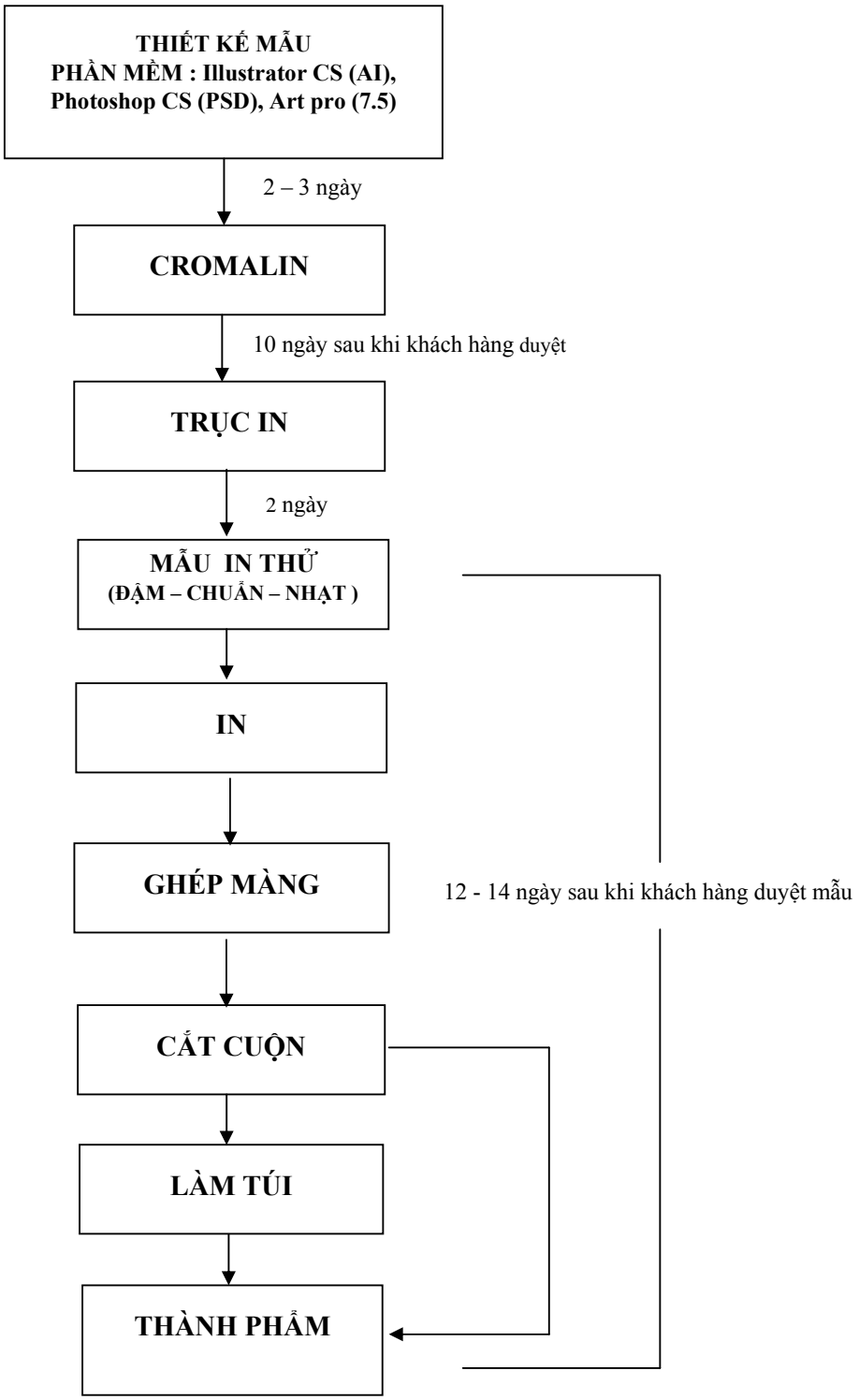
THIẾT KẾ MẪU
PHẦN MỀM : Illustrator CS (AI), Photoshop CS (PSD), Art pro (7.5)
2 – 3 ngày
CROMALIN
10 ngày sau khi khách hàng duyệt
TRỤC IN
2 ngày
MẪU IN THỬ
(ĐẬM – CHUẨN – NHẠT)
IN
GHÉP MÀNG
12 - 14 ngày sau khi khách hàng duyệt mẫu
CẮT CUỘN
LÀM TÚI
THÀNH PHẨM

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty rất chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đây được xem như một lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty do Phòng nghiên cứu phát triển (R&D) phụ trách. Hàng năm, theo yêu cầu của các khách hàng, đề nghị của Ban Tổng Giám đốc, đồng thời có tìm hiểu, phân tích một số loại bao bì phức hợp mới xuất hiện trên thị trường, Phòng R&D sẽ tiến hành nghiên cứu để cải tiến các sản phẩm cũ hoặc thử nghiệm đưa ra một số sản phẩm mới.

Bình quân mỗi năm Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến nghiên cứu đưa ra từ 2 đến 3 sản phẩm mới và có khả năng được khách hàng và thị trường chấp nhận.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

a. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, do tổ chức Quacert của Việt Nam chứng nhận tháng 6/2003.

Công ty triển khai thực hiện và khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng do Phòng Q/A phụ trách, Phòng Q/A xây dựng quy trình đảm bảo chất lượng từ nguyên vật liệu đầu vào cho đến sản phẩm đầu ra đảm bảo đáp ứng đúng theo yêu cầu về tiêu chuẩn của khách hàng.

Bên cạnh đó, bộ phận sản xuất trực tiếp còn thường xuyên được tập huấn, đào tạo về quy trình thao tác chuẩn đảm bảo sản phẩm sản xuất ra với chất lượng tốt nhất đồng thời giảm thiểu tỷ lệ hao hụt nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm hỏng.

Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, Công ty cũng thường xuyên đầu tư mới các máy móc, các thiết bị kiểm tra tiên tiến như máy phân tích màu, máy kiểm độ bền màng, máy đo hottack...

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Theo quy trình sản xuất thì các công đoạn sản xuất của Công ty đều chịu sự kiểm tra, kiểm soát về chất lượng của Phòng Đảm bảo Chất lượng (Q/A) từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc.

Ngoài ra, chất lượng sản phẩm của từng công đoạn còn được các bộ phận trực tiếp sản xuất kiểm tra để đảm bảo tốt nhất chất lượng sản phẩm đầu ra. Chẳng hạn như: Phòng Kỹ thuật công nghệ chịu trách nhiệm tạo ra sản phẩm mẫu để cho khách hàng duyệt trước khi đưa vào sản xuất, sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra bởi công nhân trực tiếp sản xuất, tổ trưởng sản xuất và phụ trách sản xuất của các Nhà máy.

6.7 Hoạt động marketing

a. Hoạt động nghiên cứu thị trường và xây dựng thương hiệu

Do đặc thù của ngành bao bì là gia công cho các ngành chế biến, sản xuất các sản phẩm khác do vậy đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chứ

không phải là khách hàng tiêu dùng cá nhân. Do vậy, hoạt động quảng cáo và tiếp thị của Công ty cũng có tính đặc thù riêng so với những đơn vị sản xuất khác.

Hiện nay, Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường chủ yếu thông qua các khách hàng của Công ty là các doanh nghiệp sản xuất. Trên cở sở những góp ý và yêu cầu thiết thực của khách hàng về mẫu mã, kiểu dáng và tính năng kỹ thuật của từng loại bao bì mà Công ty sẽ có những nghiên cứu để cải tiến sản phẩm cũ, hoặc đưa ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Sản phẩm bao bì nhựa của Tân Tiến chủ yếu thuộc dòng sản phẩm trung, cao cấp, với chất lượng vượt trội luôn nhận được sự tín nhiệm của tất cả khách hàng. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu để cải tiến và đưa ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị hiếu của người tiêu dùng. Ngoài ra, Công ty cũng đang xem xét việc nghiên cứu để đưa ra một số dòng sản phẩm cấp thấp để tham gia vào thị trường góp phần mở rộng thị phần.

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị

Đối tượng tiếp thị của Công ty hiện nay chủ yếu là những lãnh đạo, các chủ doanh nghiệp, các cán bộ phụ trách kinh doanh tại các đơn vị... Do đó, hoạt động quảng bá, tiếp thị của Công ty chủ yếu tập trung vào tiếp thị trực tiếp tại các doanh nghiệp thông qua các tài liệu giới thiệu Công ty (brochure) và các mẫu hàng... Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ triển lãm đặc biệt là các hội chợ triển lãm chuyên ngành như: hội chợ thủy sản, hội chợ hàng công nghiệp Việt Nam... nhằm tìm kiếm các cơ hội quảng bá thương hiệu thông qua các đơn vị sản xuất tham gia hội chợ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng Website (www.tapack.com) để giới thiệu và quảng cáo các sản phẩm của Tân Tiến đến các đối tượng khách hàng.

c. Chính sách giá

Công ty không sử dụng giá mà sử dụng chất lượng làm gốc. Với ưu thế về thương hiệu lại được trang bị máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, nguồn nguyên vật liệu với chất lượng ổn định, công nhân có tay nghề và thường xuyên được đào tạo, sản phẩm của Tân Tiến luôn vượt trội về chất lượng nên giá bán luôn cao hơn các đối thủ cạnh tranh khoảng từ 2% - 4% tùy từng loại sản phẩm cụ thể.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách giá linh hoạt đối với từng đối tượng khách hàng cụ thể căn cứ theo một số tiêu chí mà Công ty đưa ra như: khách hàng truyền thống, mức đóng góp về doanh số hàng năm, khả năng thanh toán, uy tín...

6.8 Nhãn hiệu thương mại của Công ty

Nhãn hiệu đăng ký: Tapack

Logo:

Nhãn hiệu hàng hóa Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến sử dụng là nhãn hiệu đã được đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa số 30567 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp ngày 30/03/1999 theo Quyết định số 1370/QĐNH. Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa này cũng đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý gia hạn, sửa đổi theo quyết định số A4808/QĐ-ĐK ngày 16/05/2005.

Mô tả về logo: Trên logo có chữ TAPACK màu đỏ là viết tắt của chữ **Ta**nTien Plastic **Pack**ing Co. Biểu tượng trên logo là cách điệu công nghệ sản xuất của Công ty: như từ nhiều lớp màng ghép thành 01 lớp màng (công nghệ ghép màng). Chữ "Since1966" màu đen ở phía dưới thể hiện Công ty được thành lập từ năm 1966.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6: *Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết*

STT	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng (USD)
1	04/K/2007	15/03/07	C.I.KASEI	Mua màng co PVC	43.500
2	EG-2897	14/02/07	ITOCHU	Mua hạt LDPE	424.320
3	02TA-CR/NK/2007	19/03/07	CROWN	Mua màng co PVC	32.000
4	070448	19/04/07	THAIFIML	Mua màng BOPP	59.716
5	56/XNK/2007	19/03/07	KLANG HOCK	Mua màng LLDPE	203.300
6	BCI 07-035	18/04/07	KGP CO. LTD	Mua màng BOPP	170.020
7	PIO/0708	18/04/07	POLYPLEX	Mua màng PET	161.595
8	02TA-CR/NK/2007	18/04/07	PT KOLON INA	Mua màng PA	70.000
9	KGP/0418-10H	18/04/07	KGP CO. LTD	Mua màng nhôm	49.300
10	20107816	19/04/07	EXXONMOBIL	Mua hạt LLDPE	106.177
Tổng					1.319.928 USD tương đương 21.118848.000 VND

Nguồn: Tapack

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1.Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 7: *Kết quả hoạt động kinh doanh 2005 – Quý II/2007*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2005	2006	+/- (%)	Quý II/2007
1	Tổng giá trị tài sản	274.911	316.810	15,24%	390.582
2	Doanh thu thuần	686.199	759.069	10,62%	206.090
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.297	54.040	57,56%	17.958
4	Lợi nhuận khác	309	1.371	343,69 %	56
5	Lợi nhuận trước thuế	34.606	55.411	60,12%	18.013
6	Lợi nhuận sau thuế	34.606	55.411	60,12%	15.492
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	15	15	-	-

Nguồn: Tapack

7.2.Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Năm 2006, doanh thu thuần đạt 759 tỷ đồng tăng 10,62% so với năm 2005, trong khi đó lợi nhuận sau thuế năm 2006 đạt 55,41 tỷ đồng tăng 60,12%.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến trong năm 2006 có sự tăng trưởng mạnh mẽ về lợi nhuận so với năm 2005 là do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Năm 2006 là năm thứ 02 Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Căn cứ theo những quy định về ưu đãi thuế khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm (2005, 2006) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tiếp theo (2007, 2008).
- Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh và ổn định, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2006 đạt 8,4% tăng 9,09% so với năm 2005, đứng hàng thứ 2 trên thế giới chỉ sau Trung Quốc. Nền kinh tế phát triển, mức sống của người dân được nâng cao làm cho nhu cầu mua sắm hàng tiêu dùng cũng tăng theo, do đó làm tăng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bao bì của Công ty.
- Thương hiệu Tân Tiến với nhiều uy tín trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa, máy móc thiết bị hiện đại, công suất lớn, cán bộ sản xuất tay nghề cao và đặc biệt là mục tiêu

chất lượng được đưa lên hàng đầu, Công ty luôn giữ chân được khách hàng truyền thống là các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng , thực phẩm, dược phẩm...

- Với năng lực tài chính sẵn có đã giúp Công ty linh hoạt trong việc dự trữ nguyên vật liệu (chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản xuất của Công ty) đảm bảo sản xuất được liên tục; hạn chế phần nào biến động giá nguyên vật liệu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; và Công ty cũng linh hoạt trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ về tín dụng đối với một số khách hàng truyền thống...
- Tuy nhiên, trong năm 2006 Công ty cũng gặp không ít những khó khăn gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:
- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu về các sản phẩm bao bì cũng tăng theo dẫn đến sự ra đời của một số doanh nghiệp cạnh tranh, trong đó có các doanh nghiệp lớn có mô hình quản lý rất chuyên nghiệp và tiềm lực tài chính rất mạnh làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng gia tăng.
- Giá nguyên vật liệu nhựa phụ thuộc nhiều vào sự biến động của giá dầu hoả thế giới mà nguồn cung cấp chính là từ các quốc gia khu vực Trung đông như Iraq, Iran, Kuwait, Arập Saudi ... thường xuyên có những bất ổn về kinh tế, chính trị.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Theo điều tra của Tân Tiến thì hiện nay cả nước có khoảng trên 60 cơ sở sản xuất và gia công bán thành phẩm bao bì mềm. Năng lực sản xuất đáp ứng được phần lớn nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia xuất khẩu. Nếu xét về năng lực sản xuất thì Tân Tiến đứng đầu trong số các doanh nghiệp sản xuất bao bì phức hợp cả nước.

Được đánh giá là một trong những đơn vị đầu ngành bao bì mềm của Việt Nam, Tân Tiến luôn đi tiên phong trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và đầu tư, đổi mới công nghệ. Cùng với Công ty Liksin, Tân Tiến là một trong những doanh nghiệp đầu tiên đã đầu tư dây chuyền sản xuất trục in hoàn chỉnh theo công nghệ hiện đại, đạt chất lượng cao tương đương các nước Tây Âu. Dây chuyền công nghệ hiện đại, khép kín thuộc hàng tiên tiến nhất Việt Nam được đầu tư từ các nước có ngành công nghiệp nhựa phát triển nên sản phẩm của Tân Tiến luôn có chất lượng cao so với các đối thủ cạnh tranh.

Bên cạnh các sản phẩm bao bì mềm thông thường, Tân Tiến còn có thể sản xuất những sản phẩm cao cấp và có tính năng sử dụng cao như: bao bì không độc tố, bao bì chống ẩm, bao bì đặc chủng cho các ngành công nghiệp, bao bì có cấu trúc và kiểu dáng đặc biệt... Các sản phẩm dùng cho thực phẩm, mỹ phẩm được sản xuất trong môi trường cách ly, đảm bảo tuyệt đối tiêu chuẩn vệ sinh của sản phẩm.

Hầu hết các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất hàng tiêu dùng, dược phẩm, thực phẩm... đều là khách hàng truyền thống của Công ty, qua đó cũng cho chúng ta thấy được vị thế hàng đầu của Tân Tiến trong lĩnh vực hoạt động của mình.

Với bề dày 40 năm hình thành và phát triển, Tân Tiến đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của ngành bao bì nhựa mềm của Việt Nam. Thương hiệu Tân Tiến đã được sự tín nhiệm của

các doanh nghiệm sản xuất trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Trong những năm vừa qua Tân Tiến liên tục nhận được những phần thưởng có giá trị như: được Cộng đồng Nhựa – Cao su Việt Nam bình chọn vào Top 60 doanh nghiệp tiêu biểu 05 năm từ 1996-2001, Top Ten 2001 – 2002 do Cộng đồng Nhựa – Cao su Việt Nam bình chọn, được Liên đoàn Công nghiệp nhựa Asean tuyên dương là doanh nghiệp tiêu biểu của Khu vực, và một số chứng nhận khác.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Những năm gần đây, ngành nhựa đã có những bước tăng trưởng khá cao, bình quân 20-25%/năm. Nhưng nếu chỉ tính nhu cầu tiêu dùng trong nước, phục vụ hơn 80 triệu dân thì vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của thị trường.

Hiện nay, sản phẩm nhựa của Việt Nam đã có mặt ở trên 30 quốc gia. Các thị trường lớn của ngành nhựa có mức tiêu thụ cao phải kể đến là Nhật Bản, Mỹ, Campuchia, Đài Loan…

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo ra những cơ hội cho sự phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp nhựa, ngành công nghiệp mũi nhọn tạo ra động lực tăng trưởng trong khu vực sản xuất cũng như trong toàn bộ nền kinh tế.

Trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng bình quân 25-30%/năm, ngành bao bì mềm đã có những đóng góp tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế. Với triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành công nghiệp nhựa nói chung và ngành bao bì mềm nói riêng, theo đánh giá của các chuyên gia thì thị trường bao bì mềm đang là một thị trường đầy hứa hẹn và tiềm năng của Việt Nam ít nhất là trong 10 năm tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là 1.104 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8: *Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc*

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG
A. Phân theo trình độ lao động:	**1.104**
- Trên Đại học, Đại học	126
- Cao đẳng	9
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	575
- Phổ thông trung học	394
B. Phân theo hợp đồng lao động	**1.104**
- Hợp đồng không xác định thời hạn	831
- Hợp đồng từ 1 – 3 năm	140
- Hợp đồng dưới 1 năm	133

Nguồn: Tapack

9.2 Chính sách đối với người lao động

a. Chính sách tuyển dụng đào tạo

Tuyển dụng: hiện nay, Công ty tiến hành tuyển dụng thông qua các kênh như: Website của Công ty, các trường Đại học, Cao đẳng, Kỹ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh… Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Cụ thể là cán bộ quản lý phải có trình độ chuyên môn, đạo đức và kinh nghiệm trong công tác, công nhân sản xuất phải có tay nghề, chăm chỉ, ham học hỏi…

Đào tạo: tại Việt Nam vẫn chưa có một cơ sở nào chuyên đào tạo về ngành Bao bì nói chung và ngành gia công chất dẻo nói riêng. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng cao, Công ty rất chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Hình thức đào tạo chính hiện nay tại Công ty vẫn là tự đào tạo, người đi trước hướng dẫn, kèm cặp người đi sau. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo bên ngoài và hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các trường hợp lao động tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo về nghiệp vụ, công nghệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới.

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tiết kiệm chi phí... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, số tiền thưởng sẽ tuỳ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Quỹ lương của Công ty trong năm.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả. Hàng năm Công ty đều tổ chức các phong trào thể dục thể thao, giao lưu văn nghệ trong cán bộ công nhân viên để tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên còn được Công ty tổ chức cho đi nghỉ mát, du lịch mỗi năm một lần.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo. Tỷ lệ cổ tức năm 2005 và 2006 là 15%

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Trích khấu hao TSCĐ

Công ty hiện đang áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Nhà xưởng, vật kiến trúc:	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị:	05 năm
Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn:	06 năm
Thiết bị văn phòng:	05 năm

Mức lương bình quân

Thu nhập của người lao động trong Công ty là lương và thưởng. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 3.700.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập bình quân khá cao so mặt bằng lương chung cũng như so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2005-2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2005 và 2006 như sau:

Bảng 9: *Trích lập các Quỹ dự phòng*:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý II/2007
Quỹ dự phòng tài chính		1.240.560.207	3.247.098.292
Quỹ đầu tư phát triển	9.794.910.210	32.356.431.082	36.280.163.239
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.547.813.562	2.531.448.360	4.596.113.529
Tổng cộng	**12.342.723.772**	**36.128.439.649**	**44.123.375.060**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006, BCTC Quý II/2007

Tổng dư nợ vay

Tình hình dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2006 của Công ty như sau:

Bảng 10: *Các khoản vay ngắn hạn*

STT	Tên Ngân hàng	Số hợp đồng	Số tiền (VNĐ)
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch Tp.HCM	11831	44.481.910.680
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	263/2006/HĐ	1.822.567.991
	Tổng Cộng		**46.304.478.671**

Nguồn: Tapack

Bảng 11: *Các khoản vay dài hạn*

Stt	Tên Ngân hàng	Số hợp đồng	Số tiền (VNĐ)
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch Tp.HCM	11133/HĐ	5.792.000.000
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch Tp.HCM	11687/HĐ	3.870.000.000
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	31/121729/HĐ	818.000.000
4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	52/121729/HĐ	350.000.000
5	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	53/121729/HĐ	1.300.000.000
6	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	60/121729/HĐ	760.500.000
7	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	63/121729/HĐ	1.912.500.000
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	66/121729/HĐ	50.000.000
9	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	93/121729/HĐ	405.148.000
10	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	1095/2006/HĐ	185.000.000
11	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	1255/2006/HĐ	376.250.000
12	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	1837/2006/HĐ	180.000.000
13	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	1997/2006/HĐ	3.329.400.000
14	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	2564/2006/HĐ	676.000.000
	Tổng Cộng		**20.360.798.000**

Nguồn: Tapack

Các khoản nợ vay Ngân hàng của Tân Tiến đến thời điểm này không có nợ quá hạn, Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

Tình hình công nợ đến 31/12/2006

Bảng 12: *Các khoản phải thu năm 2005 – 2006 và Quý II/2007*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý II/2007
Phải thu của khách hàng	112.753.899.113	140.193.193.397	146.366.796.789
Trả trước cho người bán	2.174.236.019	3.943.750.229	18.082.534.538
Phải thu nội bộ	-	-	-
Các khoản phải thu khác	7.224.870.584	224.137.580	150.171.705
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(770.443.718)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác (ký quỹ)	6.872.170.668	5.314.061.765	7.689.671.018

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Quý II/2007

Bảng 13: *Các khoản phải trả năm 2005 – 2006 và QuýII/2007*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý II/2007
Vay ngắn hạn	78.530.334.177	55.918.388.961	69,285,177,640
Phải trả người bán	29.871.906.645	26.715.297.975	33,377,347,846
Người mua trả tiền trước	2.926.405.083	3.367.530.539	3,728,825,846
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.952.718.945	3.295.764.273	3,742,519,750
Phải trả công nhân viên	17.990.661.610	14.063.806.024	13,238,809,330
Chi phí phải trả	79.774.975	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.184.156.024	13.923.348.010	8,725,912,466
Vay dài hạn	10.490.856.668	20.360.798.000	62,476,044,746
Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	254.568.985	152,255,664

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Quý II/2007

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2005 – 2006 và Quý II/2007*

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý II/2007
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.51	2.09	2.21
- Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0.93	1.32	1.34
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0.54	0.44	0.50
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	1.17	0.77	0.99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	7.71	7.43	1.56
Hàng tồn kho bình quân			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	2.50	2.40	0.53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.04%	7.30%	7.52%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27.27%	30.97%	7.91%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12.59%	17.49%	3.97%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.00%	7.12%	8.71%

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

1.Chủ tịch HĐQT - Ông Lê Minh Cường

Họ và tên:	Lê Minh Cường
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/07/1960
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	574/41 Nguyễn Kiệm, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 03/1984:	Nhân viên phòng TCKT Công ty XD KV2, Bộ Vật tư
+ Từ 7/1985 – 12/1987:	Nhân viên Ban Tài vụ Sư đoàn 367, QC Phòng không
+ Từ 12/1987 – 4/2001:	Nhân viên Phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ Từ 4/2001 – 7/2003:	Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ 08/2003 – 12/2004 :	Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ 01/01/2005 – nay :	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Chức vụ công tác hiện tại:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	100.000 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 0,939% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
	Những người có liên quan : Vợ : Nguyễn Thị Hằng, nắm giữ 138.830 cổ phần cá nhân chiếm 1,30% Vốn điều lệ
	Cha : Lê Đình Hưng, nắm giữ 48.420 cổ phần cá nhân chiếm 0,45% Vốn điều lệ

2. Thành viên HĐQT - Ông Bùi Quang Thịnh

Họ và tên:	Bùi Quang Thịnh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/11/1957
Nơi sinh:	Tp.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	28/14 Phan Đình Giót, Q. Tân Bình, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân hoá lý
Quá trình công tác:	
+ Từ 1976 - 1993:	Công tác tại Nhà máy Nhựa Tân Tiến nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến với các chức vụ như sau : Công nhân trực tiếp sản xuất, Tổ trưởng sản xuất, Trưởng phòng kỹ thuật.
+ Từ 1993 - 2004:	Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ Từ 01/01/2005 - nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	23.880 cổ phần, đại diện phần Vốn nhà nước chiếm 0,224% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
	Những người có liên quan : Vợ : Nguyễn Thị Tâm, nắm giữ 130.000 cổ phần cá nhân chiếm 1,22% Vốn điều lệ

3. Thành viên HĐQT - Bà Đoàn Thu Nhạn

Họ và tên:	Đoàn Thu Nhạn
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	06/06/1963
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	K1-K5 Bửu Long –F15-Q10 – Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

+ Đến 2004: Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến

+ Từ 01/2005 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	62.560 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,587% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	Không có

4. Thành viên HĐQT - Bà Lê Thị Ngọc Trâm

Họ và tên:	Lê Thị Ngọc Trâm
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	09/06/1964
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	120/4 Trần Huy Liệu, P. 15, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hoá Polymer
Quá trình công tác:	
+ Từ 1987 - 1990:	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Liên hiệp các xí nghiệp in Tp.HCM
+ Từ 1990 – 1996:	Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ Từ 1997 - 1998:	Phó Ban Tiếp thị Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ Từ 1998 - 2000:	Phó Quản đốc PX Trục in Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
+ Từ 2000 – nay:	Giám đốc Nhà máy Bao bì số 2 Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT - Giám đốc Nhà máy Bao bì số 2 Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	60.000 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,563% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	Không có

5. Thành viên HĐQT - Bà Nguyễn Thị Hữu Thuỷ

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hữu Thuỷ
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	25/03/1964
Nơi sinh:	Thanh Hoá
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sài Gòn
Địa chỉ thường trú:	33/19/5 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

+ Từ 1982 - 1987: Sinh viên Đại học Tổng hợp Tp.HCM

+ Từ 1998 - 1996 Nhân viên Nhà máy Nhựa Tân Tiến

+ Từ 1997- 2004 Phó phòng Kinh doanh Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến

+ Từ 01/2005 - nay: Phó phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT - Phó phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	60.000 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,563% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	Không có
	Mẹ : Trần Thị Hà Tịnh, nắm giữ 99.820 cổ phần cá nhân chiếm 0,94% Vốn điều lệ

Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Chế Anh Tuấn

Họ và tên:	Chế Anh Tuấn
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/09/1960
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	305/31/17A Lê Văn Sỹ , Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

+ Từ 1980 - 1987: Quân đội Nhân dân Việt Nam - Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật tên lửa

+ Từ 1987 - nay: Công tác tại Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến, nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng BKS – Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì số 1 Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,094% Vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan :	Không có
	Vợ: Trương Minh Hạnh, nắm giữ 20.000 cổ phần cá nhân chiếm 0,187% Vốn điều lệ

2. Thành viên Ban kiểm soát - Ông Huỳnh Thanh Kháng

Họ và tên:	Huỳnh Thanh Kháng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/11/1967
Nơi sinh:	Qui Nhơn – Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Qui Nhơn – Bình Định
Địa chỉ thường trú:	98/3 Trần Quang Cơ, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9612279
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

+ Từ 1991 - 2005: Nhân viên sửa chữa điện, Tổ trưởng bao bì tại Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

+ Từ 2006 - nay: Phó Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên BKS - Phó Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	18.890 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,177% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:	Không
Những người có liên quan :	Không có

3. Thành viên Ban kiểm soát - Bà Trương Thị Thanh Huyền

Họ và tên:	Trương Thị Thanh Huyền
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	17/07/1974
Nơi sinh:	Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	8/9 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84-8) 9613690
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ 9/1996 – 12/1996: Nhân viên kế toán tại Phòng Đại diện Bảo hiểm Khu vực 6 Công ty Bảo Hiểm Tp.HCM

+ Từ 01/1997 – 04/2001: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến

+ Từ 05/2001 - nay: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên BKS - Nhân viên Phòng TCKT Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
Số cổ phần nắm giữ:	20.000 cổ phần đại diện phần Vốn Nhà nước chiếm 0,187% Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan :	Không có
	Mẹ : Nguyễn Thị Tâm, nắm giữ 19.520 cổ phần cá nhân chiếm 0,183% Vốn điều lệ

Thành viên Ban Giám đốc *(Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)*

1. **Tổng Giám đốc - Ông Lê Minh Cường**
2. **Phó Tổng Giám đốc - Ông Bùi Quang Thịnh**

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2006

Bảng 15: *Danh mục tài sản cố định chính*

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**254.038.575.300**	**193.242.048.100**	**60.796.527.200**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	24.170.768.650	20.027.126.308	4.143.642.342
2	Máy móc thiết bị	199.600.377.462	156.276.619.088	43.323.758.374
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	25.618.467.332	14.393.049.434	11.225.417.898
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.576.467.840	676.195.710	1.900.272.130
5	TSCĐ khác	2.072.494.016	1.869.057.560	203.436.456
II	**Tài sản cố định vô hình**	**7.706.837.939**	**7.706.837.939**	**-**
	Cộng	**261.745.413.239**	**200.948.886.039**	**60.796.527.200**

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán 2006

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Bảng 16: *Danh mục đất đai nhà xưởng*

STT	Mặt bằng	Hiện trạng sử dụng	Diện tích sàn (m2)	Ghi chú
1	117/2 Luỹ Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM	Văn phòng Công ty, Nhà máy chế bản và Nhà máy bao bì 1	10.710	Đất thuê
2	Khu Công nghiệp Tân Bình	Nhà máy bao bì 2	50.000	Đất thuê
3	38/24 Phan Anh, Quận Tân Phú, Tp.HCM	Kho nguyên vật liệu	6.387	Đất mua
4	Chi nhánh Hà Nội	Nhà điều hành CN	217	Đất thuê

Nguồn: Tapack

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 17: *Kế hoạch kinh doanh 2007 – 2008*

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2006	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2007
Doanh thu thuần	850.000	5,00	1.000.000	17,65
Lợi nhuận sau thuế	50.000	-4,44	70.000	40
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,88%	-8,99	7,00%	19,05
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	40,38%	-4,44	46,67%	8,65
Cổ tức	15%	-	1.500	-

Nguồn: Tapack

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Kế hoạch doanh thu của TAPACK năm 2007 dự kiến tăng 5% và lợi nhuận của Công ty giảm 4,44% so với năm 2006, nguyên nhân do năm 2007 Công ty đang trong giai đoạn triển khai đầu tư máy móc và cơ sở hạ tầng cho Nhà máy ở Khu công nghiệp Tân Bình để mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó năm 2006 TAPACK được miễn 100% thuế Thu nhập Doanh nghiệp nhưng bắt đầu từ năm 2007 Công ty chỉ được giảm 50% và bắt đầu phải nộp 50% thuế Thu nhập Doanh nghiệp.
- Năm 2008, TAPACK xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận có tỷ lệ tăng trưởng khá cao, điều này phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty sắp tới do đây là thời điểm dự án đầu tư vào nhà máy ở Khu công nghiệp Tân Bình đã hoàn thành và đã nâng cao sản lượng sản phẩm. Cụ thể là, khi TAPACK hoàn thành đầu tư thêm máy móc thiết bị và mở rộng nâng cao năng lực sản xuất thì doanh thu sẽ tăng tương ứng.
- Với tỷ lệ cổ tức là 15%/mệnh giá, năm 2006 TAPACK đã sử dụng 39,83% lợi nhuận dùng để trả cổ tức. Dự kiến trong các năm tới Công ty vẫn giữ mức cổ tức ổn định (khoảng 15%) thì sau khi hoàn thành đợt phát hành này Công ty phải sử dụng khoảng 39.83 % lợi nhuận theo kế hoạch được sử dụng để trả cổ tức. Như vậy phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Những nhận xét trên chỉ nhằm mục đích tham khảo, không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

- Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

- Không có.

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 4.345.000 cổ phiếu,trong đó:

▪ **Đối tượng 1**: chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1(cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được chia thêm 1 cổ phiếu thưởng).Khối lượng cổ phiếu phát hành là 1.065.500 cổ phiếu.

▪ **Đối tượng 2**: phát hành cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (cổ dông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu).Khối lượng cổ phiếu phát hành là 1.065.500 cổ phiếu.

▪ **Đối tượng 3**: phát hành cho CBCNV chủ chốt.Tổng khối lượng cổ phiếu phát hành là 500.000 cổ phiếu và chia làm 2 đợt như sau

- Đợt 1: chào bán 200.000 cổ phiếu

  Thời gian chào bán: cùng đợt với đối tượng 1

- Đợt 2: chào bán 300.000 cổ phiếu

  Thời gian chào bán: 5 tháng sau đợt phát hành thứ nhất cho Cán bộ Công nhân viên

▪ **Đối tượng 4**: phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn theo hình thức bảo lãnh phát hành. Khối lượng phát hành là 1.714.000 cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

▪ **Đối tượng 2:** phát hành cho cổ đông hiện hữu theo giá bằng mệnh giá

▪ **Đối tượng 3:** phát hành cho CBCNV chủ chốt theo giá bằng mệnh giá.

▪ **Đối tượng 4**: phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn với giá tối thiểu bằng giá bảo lãnh phát hành. Nhà đầu tư lớn đăng ký chào giá cạnh tranh với mức giá bằng với giá Bảo lãnh phát hành. Nguyên tắc xác định nhà đầu tư được mua: theo giá đặt mua từ trên cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua theo giá đó. Việc lựa chọn nhà đầu tư lớn sẽ do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định.

  Giá bảo lãnh phát hành: bằng giá đóng cửa trung bình của 5 ngày giao dịch liên tiếp sau ngày giao dịch không hưởng quyền chia cổ phiếu thưởng và phát hành cho cổ đông hiện hữu, chiết khấu 20%.

5. Phương pháp tính giá

▪ **Đối tượng 2:** theo giá bằng mệnh giá

▪ **Đối tượng 3:** theo giá bằng mệnh giá.

- **Đối tượng 4**: giá tối thiểu bằng giá bảo lãnh phát hành.
  - Giá bảo lãnh phát hành: thao khảo giá thị trường.

  Giá bảo lãnh phát hành: bằng giá đóng cửa trung bình của 5 ngày giao dịch liên tiếp sau ngày giao dịch không hưởng quyền chia cổ phiếu thưởng và phát hành cho cổ đông hiện hữu, chiết khấu 20%.

6. Phương thức phân phối

❖ Phương thức phân phối:

- Đối tượng 1: phân phối theo hình thức đại lý phát hành
- Đối tượng 2: phân phối theo danh sách được chốt tại ngày chốt danh sách
- Đối tượng 3: Phân phối tại trụ sở Công ty theo danh sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt.
- Đối tượng 4: Tổ chức phát hành (Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến - TAPACK) phối hợp với tổ chức bão lãnh (Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI) sẽ thực hiện chào bán cho các nhà đầu tư lớn qua kênh phân phối riêng. Tiêu chí lựa chọn các nhà đầu tư lớn như sau:

- *Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính, ưu tiên cho các nhà đầu tư có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (người sản xuất và thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho doanh nghiệp, người cam kết tiêu thụ lâu dài sản phẩm của doanh nghiệp, người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh) hoặc hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán (các tổ chức đầu tư tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ v.v…)*
- *Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật (đối với tổ chức nước ngoài).*

- Tổ chức bảo lãnh phát hành thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại không được phân phối hết với giá bảo lãnh phát hành.

❖ Đơn vị tư vấn, bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

- Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM
- Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Tp Hà Nội

7. Thời gian phân phối cổ phiếu (dự kiến)

Đợt chào bán sẽ được thực hiện ngay sau khi nhận Giấy phép phát hành của UBCK Nhà nước.

8. Kế hoạch đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền:

❖ **Đối tượng 1: Chia cổ phiếu thưởng**

Tỷ lệ phân phối: 10:1. Căn cứ vào ngày phân bổ quyền chia cổ phiếu thưởng, cổ đông sở hữu 10 (mười) cổ phiếu thì nhận được 01 (một) cổ phiếu thưởng.

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký; Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối cho các cổ đông tại trụ sở của Công ty theo hình thức ghi sổ.

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do số lượng cổ phiếu của từng cổ đông sở hữu không chia hết cho 10 sẽ được Công ty hủy bỏ.

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 1:

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được nhận cổ phiếu thưởng

- ✓ Sau khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký phát hành của UBCKNN, Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (TTGDCK Tp.HCM) để xác định Danh sách cổ đông được nhận cổ phiếu thưởng.

Bước 2: Thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng

- ✓ Trong vòng 6 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến xác nhận tính chính xác của Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền người sở hữu chứng khoán cho TTGDCK Tp.HCM.
- ✓ Trong vòng 2 ngày làm việc trước ngày đến hạn chia cổ phiếu thưởng, TTGDCK Tp.HCM gửi Báo cáo phân bổ quyền chứng khoán cho các cổ đông lưu ký chi tiết theo thành viên lưu ký.
- ✓ Vào ngày phát hành cổ phiếu, các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ nhận cổ phiếu mới theo tỷ lệ quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ được hạch toán chứng khoán phát hành thêm tại các thành viên lưu ký đó.

Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối cổ phiếu tại Trụ sở Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Bước 3: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- ✓ Kết thúc việc phân phối cổ phiếu: Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện niêm yết bổ sung tại CN TTLK trong vòng 3 ngày làm việc.

Bảng 18: *Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 1*

STT	Công việc	Thời gian	Nhân sự
1	Nhận Giấy phép phát hành thêm cổ phiếu	D	TTP, SSI
2	Thông báo TTGDCK về ngày chốt danh sách cổ đông	D+2	TTP
3	Chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký sở hữu cuối cùng)	D+12	TTGDCK
4	Thành viên lưu ký gửi DSCD cho TTGDCK	D+14	TVLK
5	TTGDCK gửi Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền	D+19	TTGDCK

	cho Công ty		
6	Công ty xác nhận tính chính xác của Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền cho TTGDCK	D+19	TTP
7	TTGDCK gửi danh sách phân bổ cổ phiếu cho TVLK	D+20	TTGDCK
8	Phân bổ cổ phiếu cho cổ đông	D+22	TVLK, TTP
9	Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM	D+27	TTP, SSI
10	Nhận chấp thuận niêm yết và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+34	TTP

(Ghi chú: Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc)

❖ **Đối tượng 2: Phát hành cho cổ đông hiện hữu**

Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo "Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán" do TTGDCK cung cấp.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển cho người thứ 3).

Số cổ phần không chia hết cho 10 hoặc không được cổ đông đặt mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng Quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.

Các bước thực hiện phát hành cho đối tượng 2:

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

✓ Tapack sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với TTGDCK để xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

✓ Tapack phối hợp cùng TTGDCK phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Tapack có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.

✓ Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã qui định trong thời hạn 20 ngày. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó.

✓ Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá qui định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tài khoản Tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng 20 ngày kể từ ngày TTGDCK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Trong thời hạn 20 ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.
- ✓ Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTGDCK yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTGDCK xác nhận việc chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTGDCK, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- ✓ Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại trụ sở Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- ✓ Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- ✓ Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của TTGDCK tại ngân hàng chỉ định để TTGDCK chuyển cho Tapack..

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- ✓ Vào ngày phát hành, TTGDCK gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- ✓ Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết thì được hạch toán vào tài khoản lưu ký của người đầu tư.
- ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty Tapack.

Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- ✓ Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Tapack sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Tapack sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung đối với cổ phiếu phát hành của đối tượng 1.

Lưu ý: Nếu quá thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được sự đền bù nào của Công ty.

Bảng 19: *Lịch trình phân phối cổ phiếu cho đối tượng 2*

STT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép phát hành thêm cổ phiếu	D	TTP, SSI
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông cho TTGDCK Tp.HCM	D+2	TTP, SSI
3	Chốt danh sách cổ đông	D+12	TTGDCK
4	TTGDCK Tp.HCM gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký (TVLK)	D+19	TTGDCK
5	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có)	D+20 – D+38	TTGDCK, TVLK
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D+20 – D+40	TVLK
7	Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền cho tổ chức phát hành	D+42	TTGDCK
8	Phân bổ cổ phiếu cho cổ đông	D+44	TVLK
9	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có)	D+47	TTP, TVLK
10	Báo cáo phát hành cho UBCK và TTGDCK Tp.HCM	D+50	TTP, SSI
11	Nhận chấp thuận niêm yết và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+57	TTGDCK, TTP, SSI

- ❖ **Đối tượng 3: Phát hành cho thành viên Hội đồng Quản trị và Cán bộ Công nhân viên chủ chốt của Công ty theo danh sách do Hội đồng quản trị Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến phê duyệt.**

Sau khi nhận được Giấy phép phát hành của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Hội đồng quản trị Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ lập Danh sách cán bộ công nhân viên được quyền mua cổ phần. Cổ phần không được chuyển nhượng trong thời gian 2 năm, được hưởng cổ tức.

Số cổ phiếu không được bán hết sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ chủ chốt Công ty.

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 3:

Dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu cho đợt phát hành như sau:

Bảng 20: *Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 3*

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Xác định Danh sách CBCNV được mua	D	TTP
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+5	TTP, SSI
3	CBCNV đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+5 – D+25	TTP
4	Gửi báo cáo phát hành cho UBCK và TTGDCK Tp.HCM	D+27	TTP
5	Nhận chấp thuận niêm yết và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+34	TTP, SSI

Bước 1: Xác định danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ chủ chốt được quyền mua cổ phiếu

- ✓ Tapack sẽ thông qua các tiêu chí xác định thành viên Hội đồng Quản trị, CBCNV chủ chốt được mua cổ phần, các tiêu chí phân bổ và cam kết nắm giữ để xác định Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và CBCNV chủ chốt được quyền mua cổ phiếu bằng mệnh giá.

Bước 2: Đăng ký mua và phân bổ cổ phiếu

- ✓ Tapack sẽ thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị và CBCNV chủ chốt của Công ty đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần đã được HĐQT đề ra. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 15 ngày làm việc.
- ✓ Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ xác nhận việc phân phối cổ phần, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho Hội đồng Quản trị và CBCNV chủ chốt. Thời gian thực hiện dự kiến là 28 ngày làm việc sau khi chốt danh sách.

Bước 3: Tổng kết đợt phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- ✓ Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Tapack sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp HCM. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, Công ty Tapack tiến hành các thủ tục đăng ký và niêm yết bổ sung tại TTGDCK Tp.HCM trong vòng 3 ngày làm việc.

❖ **<u>Đối tượng 4:</u> Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn có bảo lãnh phát hành**

- ✓ Tiêu chí xác định nhà đầu tư lớn:

- Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính, ưu tiên cho các nhà đầu tư có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (người sản xuất và thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho doanh nghiệp, người cam kết tiêu thụ lâu dài sản phẩm của doanh nghiệp, người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh) hoặc hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán (các tổ chức đầu tư tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ v.v…).
- Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật (đối với tổ chức nước ngoài).

Các bước thực hiện phát hành của Đối tượng 4:

✓ Sau khi nhận Giấy phép đăng ký phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổ chức phát hành (Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến) phối hợp với tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành (Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-SSI) thực hiện chào bán cho các nhà đầu tư lớn của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.

✓ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn sẽ thông báo cho các nhà đầu tư lớn của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần theo dự kiến của hai bên. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 20 ngày.

✓ Nhà đầu tư lớn đăng ký chào giá cạnh tranh với mức giá sàn bằng giá bảo lãnh phát hành. Nguyên tắc xác định nhà đầu tư được mua: theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua theo giá đó. Việc lựa chọn nhà đầu tư lớn sẽ do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định.

✓ Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ xác nhận việc phân phối cổ phần, ký kết hợp đồng phân phối, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho nhà đầu tư. Thời gian thực hiện dự kiến là 30 ngày làm việc sau khi kết thúc việc chào bán cổ phần.

✓ Thực hiện cam kết bảo lãnh: Sau khi hoàn tất việc bán cổ phần cho các nhà đầu tư lớn theo hình thức chào bán trực tiếp, tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ mua lại toàn bộ số cổ phần còn lại theo cam kết bảo lãnh phát hành. Thời gian thực hiện dự kiến là 10 ngày làm việc.

✓ Tổng kết phát hành và niêm yết bổ sung: Trong thời gian 5 ngày làm việc sau khi đợt phát hành kết thúc, Công ty Tapack và SSI sẽ lập báo cáo phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau khi nhận Công văn chấp thuận kết quả phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ đăng ký và thực hiện niêm yết tại TTGDCK Tp.HCM trong vòng 3 ngày làm việc.

Bảng 21: *Lịch trình phát hành cổ phiếu cho Đối tượng 4*

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép phát hành thêm cổ phiếu	D	TTP, SSI
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 5	TTP, SSI

3	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 15 - D+35	TTP, SSI
4	Thực hiện cam kết bảo lãnh (nếu có)	D + 35 - D+45	SSI
5	Gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN	D + 50	TTP
6	Làm thủ tục và tiến hành niêm yết bổ sung cổ phiếu tại TTGDCK TP.HCM	D + 57	TTP, SSI

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của TAPACK theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty đến 21/03/2007: 2.322.820 cổ phần (chiếm 21,8%).

10. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu và giảm 50% 02 năm tiếp theo kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Theo đó, Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm (2005 và 2006) và sẽ được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tiếp theo (2007 và 2008)

Theo qui định của Thông tư có 74/2000/TT-BTC ban hành ngày 19/7/2000 của Bộ Tài chính và theo Công văn số 10997/BTC-CST ban hành ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính, đối với tổ chức chào bán có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán. Đối với Công ty Bao bì Cổ phần Nhựa Tân Tiến đang được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về cổ phần hóa Công ty Nhà nước đến năm 2008 thì mức thuế ưu đãi cho tổ chức có chứng khoán được niêm yết sẽ bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn số 11924/TC-CST ban hành ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC "Hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán", ban hành ngày 20/10/2004, cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng qui định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên khoản chênh lệch giá khi bán cổ phiếu.

Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra

của từng giao dịch chuyển nhượng * 0,1%

11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu là tài khoản của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến mở tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Sài Gòn, 503-505 Nguyễn Trãi Q5, Tp.Hồ Chí Minh. Số tài khoản là: 140.10.00.0440040

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Đợt chào bán thêm này thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông của Công ty lập ngày 20/04/2007. Mục tiêu của đợt phát hành bao gồm:

- Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư:
  - Đầu tư thêm máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng cho nhà máy tại Khu công nghiệp Tân Bình.
- Bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại vốn vay

2. Phương án khả thi:

Cơ cấu vốn tại thời điểm 31/12/2006 của Công ty có tỷ lệ Nợ/Vốn khá cao, tổng nợ vay chiếm khoảng 44% so với Tổng nguồn vốn.Với kế hoạch mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh trong các năm tới, nhu cầu vốn vay sẽ rất lớn; nếu cơ cấu vốn vẫn giữ nguyên thì trong các năm tới khi giải ngân thực hiện các dự án từ việc tăng nguồn vốn vay ngân hàng thì gánh nặng về lãi suất sẽ rất cao.

Với tình hình tài chính như hiện tại, để giảm bớt gánh nặng lãi vay, tăng tính thanh khoản của Công ty và tận dụng được nguồn vốn thặng dư khi phát hành thêm, việc tái cấu trúc cơ cấu vốn Công ty là rất cần thiết.

Hệ số thanh toán nhanh và tỷ lệ Nợ/Vốn khi không phát hành thêm

	2006	KH2007	KH2008
A-Tài sản ngắn hạn			
Tiền và các tài khoản tương đương tiền	4.374.028.369	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	218.000.000		
Phải thu	144.361.081.206	150.000.000.000	155.000.000.000
Tồn kho	90.491.698.830	100.000.000.000	110.000.000.000

Tài sản ngắn hạn khác	5.675.544.701	5.000.000.000	10.000.000.000
B-Tài sản dài hạn			
Tài sản cố định	61.183.799.927	105.747.039.942	124.597.631.954
Bất động sản đầu tư			
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Trả trước dài hạn)	10.505.485.792	10.200.000.000	9.940.000.000
Tổng tài sản	**316.809.638.825**	**375.947.039.942**	**414.537.631.954**
A-Nợ phải trả	137.899.502.767	157.406.878.411	150.921.720.423
Vay và nợ ngắn hạn	55.918.388.961	45.765.864.734	11.260.922.423
Phải trả cho người bán	26.715.297.975	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải trả khác	34.905.017.831	280.215.677	300.000.000
Vay và nợ dài hạn	20.615.366.985	81.360.798.000	109.360.798.000
B- Nguồn vốn chủ sở hữu			
Vốn dầu tư của chủ sở hữu	106.550.000.000	106.550.000.000	106.550.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	13.090.400.000	13.090.400.000	13.090.400.000
Quĩ đầu tư phát triển	32.356.431.082	46.080.163.239	85.835.038.239
Quĩ dự phòng tài chính	1.240.560.207	3.247.098.292	4.967.973.292
Lãi chưa phân phối	23.141.346.411	47.072.500.000	50.672.500.000
Quĩ khác	2.531.448.360	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng nguồn vốn	**316.809.688.827**	**375.947.039.942**	**414.537.631.954**
Nợ /Vốn	0.44	0.42	0.36

Hệ số thanh toán nhanh và tỷ lệ Nợ/Vốn sau khi phát hành thêm để tái cấu trúc vốn:

	2006	**KH2007**	**KH2008**
A-Tài sản ngắn hạn			
Tiền và các tài khoản tương đương tiền	4.374.028.369	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	218.000.000		
Phải thu	144.361.081.206	157.759.135.266	163.903.279.577
Tồn kho	90.491.698.830	100.000.000.000	110.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	5.675.544.701	5.000.000.000	10.000.000.000
B-Tài sản dài hạn			
Tài sản cố định	61.183.799.927	105.747.039.942	124.597.631.954
Bất động sản đầu tư			
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Trả trước dài hạn)	10.505.485.792	10.200.000.000	9.940.000.000
Tổng tài sản	**316.809.638.825**	**383.706.175.208**	**423.440.911.531**

A-Nợ phải trả	**137.899.502.767**	**25.046.013.677**	**19.705.000.000**
Vay và nợ ngắn hạn	55.918.388.961	10.360.798.000	5.000.000.000
Phải trả cho người bán	26.715.297.975	14.405.000.000	14.405.000.000
Các khoản phải trả khác	34.905.017.831	280.215.677	300.000.000
Vay và nợ dài hạn	20.360.798.000		
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	**178.910.186.060**	**358.660.161.531**	**403.735.911.531**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	106.550.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	13.090.400.000	122.415.400.000	122.415.400.000
Quĩ đầu tư phát triển	32.356.431.082	46.080.163.239	85.835.038.239
Quĩ dự phòng tài chính	1.240.560.207	3.247.098.292	4.967.973.292
Lãi chưa phân phối	23.141.346.411	34.417.500.000	38.017.500.000
Quĩ khác	2.531.448.360	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng nguồn vốn	**316.809.688.827**	**383.706.175.208**	**423.440.911.531**
Nợ /Vốn	0.44	0.07	0.05

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được theo kế hoạch sau:

- Bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại vốn vay dự kiến : 60 tỷ
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị cho Khu công nghiệp Tân Bình 70,3 tỷ với chi tiết như sau:

Bảng 22: *Bảng máy móc thiết bị dự kiến mua trong năm 2007*

STT	TÊN DỰ ÁN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN (USD)
1	Máy tráng khô có dung môi	1	480.000
2	Máy làm túi đứng & khóa kéo.	2	140.000
3	Máy làm túi hàn biên	3	210.000
4	Máy kiểm cuộn khổ lớn	4	200.000
5	Máy kiểm cuộn khổ nhỏ	4	160.000
6	Máy làm túi hàn lưng	5	350.000
7	Máy Camera inline cho máy in	5	400.000
8	Máy thổi màng 3 lớp	1	500.000
9	Máy thổi màng 5 lớp	1	800.000
10	Máy làm túi xếp đáy nắp.	1	50.000

STT	TÊN DỰ ÁN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN (USD)
11	Máy đo độ thẩm thấu hơi nước và oxy.	1	80.000
12	Máy chia cuồn.	2	100.000
13	Máy đo hàm lượng dung môi còn lưu trong bao bì.	1	80.000
14	Mua xe ô tô 04 chổ	1	130.000
15	Mua xe ô tô 16 chổ	1	40.000
16	Xây dựng nhà làm việc cơ điện, kho trục in, kho vật tư	4.300m2 (2,5triệu/m2)	10,75 tỷ VNĐ
Tổng vốn đầu tư ước tính:			**70,341 tỷ VNĐ**

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8)242897 Fax: (84.8) 247430

E-mail: ssi@ssi.com.vn. Website: www.ssi.com.vn

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hà Nội

Điện thoại: (84.4)9366321 Fax: (84.4) 9366311

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8205944 Fax: (84.8)820594

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày:7...tháng.9.. năm 2007

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ MINH CƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHẾ ANH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐOÀN THU NHẠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN HỒNG NAM

IX. PHỤ LỤC :

1. **Phụ lục I : Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;**
2. **Phụ lục II : Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty ;**
3. **Phụ lục III : Báo cáo kiểm toán năm 2005-2006 và báo cáo tài chính quý 2/2007 ;**
4. **Phụ lục IV: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chấp nhận việc chào bán cổ phiếu và phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;**
5. **Phụ lục V : Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và thông qua danh sách thành viên HĐQT, BKS và CBCNV được mua cổ phiếu.**

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Phòng đăng ký kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số : ***4103002999***

Đăng ký lần đầu, ngày 28 tháng 12 năm 2004
Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 17 tháng 05 năm 2007

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN TIEN PLASTIC PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAPACK

2. Địa chỉ trụ sở chính : ***117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú***

Điện thoại : ***9612279 - 9612176*** Fax : ***9612641***

Email : ***tantien@hcm.fpt.vn*** Website: ***www.tapack.com***

3. Ngành, nghề kinh doanh : *Sản xuất và mua bán sản phẩm bao bì. Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị phụ tùng, khuôn in ống đồng phục vụ sản xuất./.*

(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo những quy định của pháp luật)

4. Vốn điều lệ : ***150.000.000.000 đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng).***

Trong đó: Hiện kim: 150.000.000.000 đồng

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	**Đại diện vốn Nhà nước:**		608.810	60.881.000	40,59
	Lê Minh Cường.	574/41 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận.			
	Bùi Quang Thịnh.	204/10 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh.			
	Đoàn Thu Nhạn	2/19 Cao Thắng, Phường 5, Quận 3			

5	**Đại diện cổ đông:**				0,00
3	**Lê Thị Ngọc Trâm**	120/4 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận	10.170	1.017.000	0,68
4	**Nguyễn Thị Hữu Thủy**	33/19/5 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình	10.170	1.017.000	0,68
2	**Và 784 cổ đông khác:**		325.850	32.585.000	21,72

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: ***Tổng giám đốc***

Họ và tên : **LÊ MINH CƯỜNG** ***(Nam)***

Sinh ngày: ***06/07/1960*** Dân tộc: ***Kinh*** Quốc tịch: ***Việt Nam***

Số chứng minh nhân dân số : ***022758956***

Ngày cấp : ***23/02/2006*** Nơi cấp : ***Công an Tp Hồ Chí Minh***

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : ***574/41 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận***

Chỗ ở hiện tại : ***574/41 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận***

Chữ ký:

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)
Phó Trưởng Phòng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thanh Bình

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 5441 Quyển: TP/CC/SCT/SGT
Ngày: 21-05-2007
TUQ.CỦA CHỦ TỊCH UBND QUẬN TÂN PHÚ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

UBND Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ LÂN

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN

BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU....4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ....4
Điều 1. Định nghĩa....4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty....5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty....5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động....6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP....6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập....6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu....7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác....8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần....8
Điều 9. Thu hồi cổ phần....8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT....9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý....9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG....10
Điều 11. Quyền của cổ đông....10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông....11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông....11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông....13
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền....14
Điều 16. Thay đổi các quyền....15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông....16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông....17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông....18
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông....20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông....21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông....22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông....23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ....23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị....23
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị....24
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị....27
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị....27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY....31
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý....31
Điều 29. Cán bộ quản lý....31
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc....32
Điều 31. Thư ký Công ty....33
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ....34
Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý....34

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 34
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....35
X. BAN KIỂM SOÁT 36
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát 36
Điều 36. Ban kiểm soát 37
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 39
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn 39
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....39
Điều 39. Cổ tức 39
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 41
Điều 41. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 41
Điều 43. Năm tài chính 41
Điều 44. Hệ thống kế toán.....41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....42
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....42
Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....43
Điều 47. Kiểm toán 43
XVII. CON DẤU 43
Điều 48. Con dấu.....43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 44
Điều 49. Chấm dứt hoạt động 44
Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông 44
Điều 51. Gia hạn hoạt động.....44
Điều 52. Thanh lý.....45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....46
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 46
Điều 55. Ngày hiệu lực 46
Điều 56. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty./. 47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 tổ chức chính thức vào ngày 20 tháng 04 năm 2007.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

   - Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN**
   - Tên tiếng Anh : **TAN TIEN PLASTIC PACKAGING JOINT-STOCK COMPANY**
   - Tên viết tắt : **TAPACK**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

   - Địa chỉ : 117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
   - Điện thoại: : 84.8.961 2279
   - Fax : 84.8.961 2641
   - E-mail : tantien@hcm.fpt.vn
   - Website : www.tapack.com

4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49.2 và Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn..

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

   - Sản xuất và mua bán sản phẩm bao bì.
   - Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị phụ tùng, khuôn in ống đồng phục vụ sản xuất.

   Công ty sẽ tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

   Công ty không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong phạm vi ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị Công ty đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập, điều kiện làm việc cho người lao động, huy động và sử dụng vốn của các nhà đầu tư một cách hiệu quả nhất. Ban lãnh đạo, các cổ đông và toàn bộ nhân viên quyết tâm đưa Công ty phát triển hòa nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND (bằng chữ: *Một trăm năm mươi tỷ đồng*)

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần được quy định tại Điều 11.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu

hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng quản trị;

c. Tổng giám đốc;

d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 35.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng

năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc

qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông

báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký

để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong só những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được

thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
b. Mục đích lấy ý kiến;
c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
e. Các quyết định đã được thông qua;
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.

Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách

thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng

lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ

đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông

lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ

đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi

các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính

xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến nhất trí thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2007 tại Đại hội cổ đông thường niên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 56. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

S.Đ.K.K.D: 4103002999 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BAO BÌ NHỰA
TÂN TIẾN
Q.TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Minh Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2007
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;*
- *Căn cứ quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 về chứng khoán và thị trường chứng khoán*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.*
- *Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 20/04/2007.*

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2006, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty CP bao bì nhựa Tân Tiến được tổ chức:

Vào hồi: 08h00

Địa điểm: Khách sạn Legend – Số 2A-4A Tôn Đức Thắng – Quận 1 – Tp. HCM

Tổng số đại biểu cổ đông tham dự có 72 người, sở hữu và đại diện cho 7.406.883 cổ phần, chiếm 69,52% tổng số cổ phần có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Sau khi thảo luận các vấn đề trong chương trình đại hội, Đại hội đã quyết nghị những nội dung sau:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2006

- Doanh thu năm 2006 : 759.068.889.745 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2006 : 55.410.537.046 đồng

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2006

- Thuế TNDN được miễn tăng quỹ đầu tư phát triển : 15.279.775.354 đồng
- Trích lập các quỹ : 10.950.261.692 đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2006 là 15% : 15.982.500.000 đồng
- Chi trả bằng cổ phiếu thưởng là 10% : 10.655.000.000 đồng
- Thưởng cho HĐQT, BKS : 543.000.000 đồng
- Đưa phần lợi nhuận chưa phân phối (2 tỷ đồng) vào quỹ đầu tư phát triển.

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 3. Thông qua mức thưởng HĐQT, BKS năm 2006

- Mức thưởng cho HĐQT, BKS năm 2006 là 1% trên Tổng quỹ lương thực hiện.

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 4. Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty CP bao bì nhựa Tân Tiến theo đề xuất của Hội đồng quản trị. Giao cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa để hoàn thiện theo góp ý của các cổ đông trước khi ban hành chính thức.

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 5. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2007:

- Doanh thu : 850 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 50 tỷ đồng

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 6. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2007

- Lợi nhuận trước thuế : 50 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 15%

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 7. Thông qua quỹ lương, mức thù lao HĐQT, BKS năm 2007

- Tổng quỹ lương năm 2007: 58 tỷ
- Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2007 là 1% trên Tổng quỹ lương thực hiện.

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2007

- Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2007

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 9. Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 10. Phương án phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ do HĐQT đề xuất cụ thể như sau:

1. Mục đích

Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư tài sản cố định theo phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể như sau:

- Trả ngân hàng (vay đầu tư năm 2006) dự kiến: 60 tỷ
- Đầu tư năm 2007 dự kiến : 70,341 tỷ

STT	TÊN DỰ ÁN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN (USD)
1	Máy tráng khô có dung môi	1	480.000
2	Máy làm túi đứng & khóa kéo.	2	140.000
3	Máy làm túi hàn biên	3	210.000
4	Máy kiểm cuộn khổ lớn	4	200.000
5	Máy kiểm cuộn khổ nhỏ	4	160.000
6	Máy làm túi hàn lưng	5	350.000
7	Máy Camera inline cho máy in	5	400.000
8	Máy thổi màng 3 lớp	1	500.000
9	Máy thổi màng 5 lớp	1	800.000
10	Máy làm túi xếp đáy nắp.	1	50.000
11	Máy đo độ thẩm thấu hơi nước và oxy.	1	80.000
12	Máy chia cuồn.	2	100.000
13	Máy đo hàm lượng dung môi còn lưu trong bao bì.	1	80.000
14	Mua xe ô tô 04 chổ	1	130.000
15	Mua xe ô tô 16 chổ	1	40.000
	Tổng cộng (USD)		**3.720.000**
16	Xây dựng nhà làm việc cơ điện, kho trục in, kho vật tư (2,5triệu/m^2)	4.300m^2	10,75 tỷ VNĐ
	Tổng cộng (VNĐ)		**10,75 tỷ**
Tổng vốn đầu tư ước tính:			**70,341 tỷ VNĐ**

2. Phương án chào bán thêm cổ phiếu

Vốn điều lệ hiện tại : 106.550.000.000 đồng

Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 4.345.000 cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phiếu chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu

Vốn điều lệ sau khi chào bán (theo mệnh giá): 150.000.000.000 đồng

❖ **Hình thức phát hành:**

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 1.065.500 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu thưởng : 1.065.500 cổ phiếu
- Chào bán cho CBCNV chủ chốt : 500.000 cổ phiếu
- Chào bán riêng lẻ ra bên ngoài : 1.714.000 cổ phiếu

- **<u>Đối tượng 1</u>**: *Chào bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá :1.065.500 cổ phiếu tương ứng với 10,655 tỷ đồng*
  - Tỷ lệ phát hành:10:1 (cổ đông sở hữu 10 Cp sẽ quyền mua 1 cổ phiếu phát hành thêm)
  - Giá bán: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
  - Cổ phiếu chào bán trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách cổ đông tại thời điểm được chốt.
  - Số cổ phiếu do không chia hết cho 10 sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.
  - Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phần: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).
- **<u>Đối tượng 2</u>**: Phát hành cổ phiếu thưởng
  - Tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được thưởng 1 cổ phiếu).
  - Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do không chia hết cho 10 sẽ được giữ làm cổ phiếu được phép phát hành nhưng chưa phát hành.
  - Nguồn tài trợ: từ lợi nhuận chưa phân phối.
  - Thời gian thực hiện: cùng với đợt phát hành cho đối tượng 1.
- **<u>Đối tượng 3</u>**: Chào bán cho CNCNV chủ chốt, Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng mệnh giá: 5 tỷ đồng
  - Tổng số cổ phiếu phát hành thêm: 500.000 Cp
  - Giá chào bán: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
  - Đối tượng phát hành: phát hành cho Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và CBCNV theo Danh sách do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

➢ ***Tiêu chí phân bổ cho CB.CNV:***

- Đóng góp vào thành tích hoạt động SXKD của Công ty:
- Những vị trí có năng lực, chất xám mà công ty cần giữ trước nguy cơ bị lôi kéo bởi đối thủ cạnh tranh.
- Đối tượng cần có chế độ đãi ngộ do Công ty tuyển chọn phục vụ cho chiến lược phát triển của Công ty.

➢ ***Lộ trình phát hành:***

- Chia làm 03 đợt phát hành, mỗi đợt cách nhau 05 tháng.
  - Đợi 1: chào bán 200.000 cổ phiếu, thời gian chào bán: cùng đợt với đối tượng 1.

- Đợi 2: chào bán 150.000 cổ phiếu, thời gian chào bán: 05 tháng sau đợt phát hành thứ nhất cho CB.CNV.
- Đợi 3: chào bán 150.000 cổ phiếu, thời gian chào bán: 05 tháng sau đợt phát hành thứ hai cho CB.CNV.

- Số lượng cổ phiếu này không được chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày nộp tiền và được hưởng cổ tức.

▪ **<u>Đối tượng 4</u>**: Phát hành riêng lẻ ra bên ngoài 17,14 tỷ đồng (đấu giá cạnh tranh)

- Giá chào bán: theo giá thỏa thuận
- Thời gian chào bán dự kiến: ngay sau khi nhận được giấy phép chào bán của UBCKNN

➢ ***Tiêu chí xác định nhà đầu tư lớn:***

- Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính, ưu tiên cho các nhà đầu tư có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (người sản xuất và thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho doanh nghiệp, người cam kết tiêu thụ lâu dài sản phẩm của doanh nghiệp, người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh) hoặc hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán (các tổ chức đầu tư tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ v.v…).
- Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật (đối với tổ chức nước ngoài).

3. Ủy quyền

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lập phương án phát hành chi tiết (quyết định giá phát hành cho đối tác chiến lược, danh sách các đối tác chiến lược được phân phối cổ phiếu, danh sách cán bộ chủ chốt được mua cổ phiếu, giá phát hành cho cán bộ chủ chốt, phương án xử lý cổ phiếu lẻ/ không mua hết nếu có, phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành, v.v…), lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành, giá bảo lãnh phát hành (nếu có) và lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành

  ⇨ Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%.

Điều 11. Bầu cử các thành viên Hội đồng quản trị.

Kết quả bầu Hội đồng quản trị:

Qua kết quả bầu cử, Đại hội tín nhiệm bầu các thành viên tham gia Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 02 gồm 05 người sau:

STT	*Họ và tên*
1	Ông Lê Minh Cường
2	Bà Lê Thị Ngọc Trâm
3	Ông Bùi Quang Thịnh
4	Bà Đoàn Thu Nhạn
5	Bà Nguyễn Thị Hữu Thủy

Nghị quyết Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến được các đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 12h00 cùng ngày.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2007
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Thư ký đại hội | **Chủ tọa đại hội**

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

TANTIEN PLASTIC PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

117/2 Lũy Bán Bích – Quận Tân Phú – Tp. HCM

Số: 06/2007/NQ-HĐQT

Tp. HCM, ngày 14/06/2007

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 12/09/1999
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã được thông qua ngày 20/04/2007
- Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2007 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/04/2007.
- Căn cứ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 14/06/2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sau khi xem xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu trình cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định..

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân tiến có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung trong nghị quyết này.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

TANTIEN PLASTIC PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

117/2 Lũy Bán Bích – Quận Tân Phú – Tp. HCM

Số: 05/2007/NQ-HĐQT

Tp. HCM, ngày 14/06/2007

NGHỊ QUYẾT

V/v: Danh sách CB.CNV được quyền mua cổ phiếu

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 12/09/1999
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã được thông qua ngày 20/04/2007
- Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2007 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/04/2007.
- Căn cứ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 13/06/2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, CB. CNV trong Công ty được quyền mua cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành đợt 1 là: 200.000 cổ phiếu với giá bằng mệnh giá. Danh sách chi tiết đính kèm..

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân tiến có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung trong nghị quyết này.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty
- Lưu

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, CB.CNV ĐƯỢC QUYỀN MUA CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN (Đợt phát hành 07/2007)

(Ban hành theo Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐQT ngày 14/06/2007)

Stt	*Họ và tên*		*Chức vụ*	*Ngày sinh*	*Địa chỉ*	*CMND*	*Số lượng CP*	*Thành tiền*
1	LÊ MINH	CƯỜNG	Chủ tịch HĐQT	06/07/1960	574/41 NGUYỄN KIỆM . P.4 - PHÚ NHUẬN - HCM	022758956	13.160	131.600.000
2	ĐOÀN THU	NHẠN	Thành viên HĐQT	06/06/1963	K1 - BỪU LONG - F 15 - Q.10 - TP.HCM	021574436	6.580	65.800.000
3	NGUYỄN THỊ HỮU	THỦY	Thành viên HĐQT	25/03/1964	33/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT . P.6 - Q.TÂN BÌNH - HCM	020997368	6.580	65.800.000
4	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Thành viên HĐQT	09/06/1964	120/4 TRẦN HUY LIỆU - P15 - Q.PN - TP. HCM	023328961	6.580	65.800.000
5	BÙI QUANG	THỊNH	Phó Chủ tịch HĐQT	04/11/1957	28/14 PHAN ĐÌNH GIÓT - P2 - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	020882134	6.580	65.800.000
6	CHẾ ANH	TUẤN	Trưởng BKS	19/09/1960	305/31/17A LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	023500209	4.610	46.100.000
7	HUỲNH THANH	KHÁNG	Thành viên BKS	02/11/1967	98/3 TRẦN QUANG CƠ - PHÚ THẠNH - TÂN PHÚ - TP. HCM	024332141	1.970	19.700.000
8	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	Thành viên BKS	17/07/1974	8/9 LÊ THÁNH TÔN . P. BẾN NGHÉ - Q.1 - HCM	022714891	1.970	19.700.000
9	LÊ THANH	HẢI	Thư ký HĐQT	22/11/1977	46/24 CƯ XÁ LỮ GIA - P15 - Q11 - TP. HCM	197052756	1.970	19.700.000
10	NGUYỄN QUỐC	ÂN	Phó ngành Cơ điện	01/01/1961	5/21/5 ĐẤT THÁNH . P.6 - TÂN BÌNH - HCM	022672558	2.608	26.080.000
11	LÊ HOÀI	AN	CN cắt cuộn NM1	25/10/1968	72 TRẦN CHÁNH CHIÊU . P14 - Q.5 - HCM	022000169	335	3.350.000
12	DƯƠNG TẤN	ANH	NV P. R&D	27/03/1974	81 HUỲNH MẪN ĐẠT . P.7 -Q.5 - HCM	023091063	358	3.580.000
13	VŨ TUẤN	ANH	CN cắt cuộn NM1	03/09/1967	339/50/5 PHAN VĂN TRỊ . P.5 - GÒ VẤP - HCM	023971004	335	3.350.000
14	TRƯƠNG	ÁNH	CN máy tráng NM1	02/11/1968	183/69 KP4 - TÂN CHÁNH HIỆP - Q12 - TP.	024563531	335	3.350.000

					HCM			
15	TRẦN	BẢN	CN máy tráng NM2	24/11/1978	47 TRẦN THỊ KỸ - NGÔ MÂY - TP. QUY NHƠN	211637656	335	3.350.000
16	NGUYỄN NGỌC	BẢO	NV cơ điện	15/10/1975	180 LONG GIAO - LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI	023306652	335	3.350.000
17	NGUYỄN VĂN	BẢO	CN làm túi NM1	28/12/1977	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022938379	335	3.350.000
18	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	CN làm túi NM1	15/01/1977	77/5 KP 10 BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	024570013	335	3.350.000
19	LÊ TẤN	BỬU	NV P. KTCN	15/08/1971	15/20/9A TỔ 18 - KP5 - ĐÔNG HƯNG THUẬN - Q12 - TP. HCM	205400693	224	2.240.000
20	VŨ MINH	CHÂU	CN máy in NM1	31/05/1963	8A TRẦN NHÂN TÔNG - Q. HAI BÀ - HÀ NỘI	010140278	335	3.350.000
21	NGUYỄN NGỌC	CÔNG	NV cơ điện	28/05/1966	10 PASTEUR . P. LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - BÌNH THUẬN	260463951	559	5.590.000
22	TRẦN VĂN	CƯƠNG	CN cắt cuộn NM2	07/10/1978	333/97 TRẦN BÌNH TRỌNG . P.4 - Q.5 - HCM	151399546	335	3.350.000
23	BÙI VĂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	10/03/1976	98/2B LŨY BÁN BÍCH . P TÂN THỚI HÒA - TÂN PHÚC - TP. HCM	024000634	335	3.350.000
24	CAO XUÂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	01/04/1970	128 PHỐ HUẾ . P. NGÔ THÌ NHẬM - Q. HAI BÀ - HÀ NỘI	011420150	335	3.350.000
25	LÊ MINH	CƯỜNG	Tổng giám đốc	06/07/1960	574/41 NGUYỄN KIỆM . P.4 - PHÚ NHUẬN - HCM	022758956	7.452	74.520.000
26	LƯU	CƯỜNG	Tổ trưởng cắt cuộn	27/11/1964	19 NGUYỄN TRÃI . P.2 - Q.5 - HCM	020734833	931	9.310.000
27	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	27/01/1972	ĐỘI 2 . TAM XUÂN 3 - NÚI THÀNH - QNĐN	205159373	335	3.350.000
28	PHẠM MẠNH	CƯỜNG	CN máy tráng NM2	20/08/1973	9/13 TRẦN QUANG CƠ - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	145163340	335	3.350.000
29	NGUYỄN THANH	DANH	NV P. Kinh doanh	17/02/1972	220/96 HOÀNG HOA THÁM - BÌNH THẠNH - HCM	022680161	335	3.350.000
30	NGUYỄN HOÀI	DƯƠNG	CN máy tráng NM2	20/05/1975	4/34A NGUYỄN OANH . P.17 - GÒ VẤP - HCM	023082539	335	3.350.000
31	NGÔ THỊ KIM	DUNG	NV P. TCHC	08/05/1960	52A TỔ 60 NGUYỄN NHỮ LẢM . P.PHÚ THỌ HÒA - TÂN PHÚ - HCM	023007057	224	2.240.000

32	ĐOÀN THỊ NGỌC	DUNG	NV P. Kinh doanh	06/11/1974	K1, BỬU LONG, F.15, Q.10	023160509	559	5.590.000
33	DƯƠNG ANH	DŨNG	CN làm túi NM1	07/01/1977	378/42 THOẠI NGỌC HẦU - Q. TAN PHÚ - TP. HCM	024668999	335	3.350.000
34	ĐẶNG QUỐC	DŨNG	NV NMCB	22/12/1968	140/3 BẾN CẦN GUỘC . P.11 - Q.8 - HCM	022193547	335	3.350.000
35	ĐOÀN VĂN	DŨNG	CN máy in NM1	19/03/1960	100/406 THÍCH QUẢNG ĐỨC . P.5 - PHÚ NHUẬN - HCM	023459658	335	3.350.000
36	PHAN TIẾN	DŨNG	NV NMCB	29/04/1961	153/8 BÌNH THỚI . P.11 - Q.11 - HCM	020225285	559	5.590.000
37	TRƯƠNG THÀNH	DŨNG	CN máy tráng NM1	25/07/1975	341/122D LẠC LONG QUÂN - P5 - Q11 - TP. HCM	024196370	335	3.350.000
38	UÔNG TIẾN	DŨNG	CN máy tráng NM1	27/03/1961	129F/ 186/81B BẾN VÂN ĐỒN . P.8 - Q.4 - HCM	020392301	335	3.350.000
39	TRẦN THƯỢNG	DY	Tổ phó làm túi	01/09/1971	ĐỘI 1 BÌNH LỘC - CAN LỘC - HÀ TĨNH	181882586	447	4.470.000
40	HUỲNH NGUYỄN VÂN	GIANG	NV P. Kinh doanh	01/07/1976	23 LÊ NGUNG - TX QUẢNG NGÃI - QUẢNG NGÃI	212017978	335	3.350.000
41	NGUYỄN THỊ	HẰNG	CN làm túi NM1	29/03/1967	17 B NGUYỄN VĂN LƯỢNG . P.10 - GÒ VẤP - HCM	022167083	335	3.350.000
42	NGUYỄN HỮU	HẠNG	NV NMCB	09/01/1971	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	024596996	745	7.450.000
43	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	CN làm túi NM1	22/11/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022801526	335	3.350.000
44	ĐỖ THỊ MỸ	HẠNH	Tổ phó làm túi	17/09/1965	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	024282158	745	7.450.000
45	TRỊNH THỊ	HÀ	CN làm túi NM1	18/04/1976	ẤP LONG KHÁNH - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI	271385076	335	3.350.000
46	VŨ THỊ	HÀ	CN làm túi NM1	08/11/1967	557/T10 BIS NGUYỄN TRI PHƯƠNG . P.14 - Q.10 - HCM	023865469	335	3.350.000
47	LÊ PHƯỚC	HẢI	CN máy in NM2	31/07/1976	B21/1 KHU PHỐ I . P. BÌNH AN - Q.2 - HCM	022955349	335	3.350.000
48	LÊ THANH	HẢI	Phó phòng TCHC	22/11/1977	46/24 CƯ XÁ LỮ GIA - P15 - Q11 - TP. HCM	197052756	3.165	31.650.000
49	NGÔ MINH	HẢI	CN làm túi NM2	16/09/1979	154/113 ÂU DƯƠNG LÂN - Q8 - TP. HCM	311576907	335	3.350.000
50	NGUYỄN THANH	HẢI	NV P. KTCN	07/10/1975	345 NGUYỄN VĂN CỪ - BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG	250691486	224	2.240.000

51	PHAN THANH	HẢI	Tổ trưởng máy tráng	27/01/1974	8/17 TÂN HÒA . P.1 - Q.11 - HCM	024135390	931	9.310.000
52	NGUYỄN TRUNG	HẢO	CN máy in NM2	20/07/1975	2/60 BÌNH ĐƯỜNG 1 . AN BÌNH - DỈ AN - BÌNH DƯƠNG	131642509	335	3.350.000
53	NGÔ THỊ DIỆU	HIỀN	CN làm túi NM1	21/03/1975	180/30 LÝ THÁNH TÔNG - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	300784118	335	3.350.000
54	NGUYỄN CHÍ	HIỆN	NV P. KTCN	02/08/1977	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	320898263	224	2.240.000
55	NGUYỄN VĂN	HÔN	CN máy tráng NM1	03/02/1960	451B/56B PHẠM THẾ HIỂN . P.3 - Q.8 - HCM	111122736	335	3.350.000
56	MÃ TUYẾT	HỒNG	CN làm túi NM2	28/08/1974	82/896 LÊ ĐỨC THỌ - GÒ VẤP - HCM	022870895	335	3.350.000
57	ĐỖ THỊ THANH	HỒNG	NV NM1	28/07/1957	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	020079800	447	4.470.000
58	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	CN máy tráng NM2	28/10/1978	SƠN HÀ - HƯƠNG SƠN - HÀ TỈNH	183077373	335	3.350.000
59	TRẦN NGUYỄN	HOÀNG	NV NMCB	01/05/1967	521/91/58 HOÀNG VĂN THỤ . P.4 - TÂN BÌNH - HCM	022025806	335	3.350.000
60	TẾNH CÔNG	HƯNG	CN máy tráng NM1	18/05/1972	45/22 NGUYÊN HỒNG . P.11 - BÌNH THẠNH - HCM	022252176	335	3.350.000
61	KHỔNG ĐỨC	HÒA	CN máy tráng NM1	05/07/1972	ĐÔNG MỸ - ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	151115009	335	3.350.000
62	NGUYỄN THỊ XUÂN	HÒA	Phó phòng TCHC	14/12/1954	B209 CC NGUYỄN TẤT THÀNH - Q.4 - HCM	020239341	2.608	26.080.000
63	HỒ VĂN	HÙNG	CN máy tráng NM1	23/07/1973	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	220962642	335	3.350.000
64	ĐÀM TRẦN PHI	HÙNG	NV NMCB	13/12/1971	38L CXNH . KP5 . TÂN THUẬN TÂY - Q.7 - HCM	024052745	335	3.350.000
65	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	NV NM1	12/07/1980	28-702 HỒNG BÀNG - P.1 - Q.11 - TP HCM	023381711	335	3.350.000
66	TRẦN QUANG	HÙNG	CN máy tráng NM2	22/12/1972	536/32/2 ÂU CƠ - Q. TÂN BÌNH - TP, HCM	171827079	335	3.350.000
67	LÊ QUỐC	HUY	CN máy tráng NM1	27/07/1972	289/3 BẾN VÂN ĐỒN . P.2 - Q.4 - HCM	022287928	335	3.350.000
68	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	Phó phòng QA	15/04/1963	115/6 TRẦN QUANG CƠ . P.18 - TÂN BÌNH - HCM	280530352	447	4.470.000
69	NGUYỄN TIẾN	HUY	CN cắt cuộn NM2	19/10/1979	171 KP I - BÌNH TRƯNG ĐÔNG - QUẬN 2 - TP. HCM	023234918	335	3.350.000

70	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	NV P. TCKT	17/07/1974	8/9 LÊ THÁNH TÔN . P. BẾN NGHÉ - Q.1 - HCM	022714891	931	9.310.000
71	HUỲNH THANH	KHÁNG	Phó ngành Cơ điện	02/11/1967	98/3 TRẦN QUANG CƠ - PHÚ THẠNH - TÂN PHÚ - TP. HCM	024332141	2.608	26.080.000
72	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	Phó phòng Kinh doanh	28/05/1971	118/90/11E PHAN HUY ÍCH- P.15 - Q.TBÌNH	022102260	7.130	71.300.000
73	PHAN THANH	KHÁNH	CN làm túi NM2	22/11/1978	A4/35 ẤP 1 . VĨNH LỘC A - BÌNH CHÁNH - TP. HCM	023220733	335	3.350.000
74	VÕ HỮU	KHÁNH	P. Giám đốc NMBB2	12/12/1969	23/1 YÊN ĐỖ - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	340661386	2.608	26.080.000
75	VÕ TRỌNG	KHIÊM	NV P. QA	09/10/1975	33/8 NGUYỄN VĂN TRỔI - TX SÓC TRĂNG - SÓC TRĂNG	365002115	358	3.580.000
76	NGUYỄN THANH	KHIẾT	CN cắt cuộn NM1	28/09/1963	157A LŨY BÁN BÍCH . P.20 - TÂN BÌNH - HCM	021204644	335	3.350.000
77	LÂM VĂN	KHOA	CN làm túi NM2	30/11/1980	ẤP TÂN HÓA A - HÒA THÀNH - CÀ MAU	381092024	335	3.350.000
78	VŨ ĐĂNG	KHOA	NV cơ điện	05/01/1972	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022585913	335	3.350.000
79	HUỲNH VĂN	KHƯƠNG	Tổ phó máy tráng	04/08/1976	PHÚ LỢI B . PHÚ THUẬN B - HỒNG NGỰ - ĐỒNG THÁP	340874456	447	4.470.000
80	TRẦN ĐỨC	KHƯƠNG	CN máy in NM2	20/02/1971	367/11 VƯỜN LÀI - P.PHÚ THỌ HÒA - Q.TÂN PHÚ - TP. HCM	022147548	335	3.350.000
81	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	CN máy in NM1	02/03/1976	69 PHỐ NGÔ QUYỀN . QUẢNG YÊN - YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	100655684	335	3.350.000
82	NGUYỄN HOÀNG ANH	KIỆT	CN máy in NM1	02/08/1976	27/40/194 HUỲNH TỊNH CỦA . P.8 - Q.3 - HCM	022992870	335	3.350.000
83	NGUYỄN TÙNG	LÂM	CN làm túi NM1	03/11/1974	418 LÔ C C/C HỒ VĂN HUÊ - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HCM	271693245	335	3.350.000
84	LƯU XUÂN	LẬP	CN máy in NM1	26/02/1969	90/195 ĐƯỜNG SỐ 1 . P.12 - TÂN BÌNH - HCM	022171136	335	3.350.000
85	TRẦN VĂN	LẮM	NV P. TCKT	01/01/1975	ẤP LONG BÌNH A - LONG HƯNG - CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG	311432207	447	4.470.000
86	BÙI THIỆN	LỄ	Tổ phó máy in	10/10/1960	34/107 QUÂN SỰ . P.11 - Q. 11 - HCM	020670702	745	7.450.000
87	NGUYỄN THANH	LIÊM	Tổ trưởng máy in	12/11/1960	A2/15 ẤP 1 . BÌNH HƯNG - BÌNH CHÁNH - HCM	022130408	931	9.310.000

88	TRẦN THANH	LIÊM	NV NMCB	10/03/1979	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023173299	224	2.240.000
89	QUÁCH CÔNG	LỰC	NV P. KTCN	09/08/1972	4 ĐƯỜNG SỐ 18 - P. BÌNH HƯNG HÒA - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	340757819	671	6.710.000
90	HUỲNH PHI	LONG	Trưởng phòng R&D	07/10/1969	342/2 TÂN PHƯỚC . P.7 - Q.10 - HCM	023143501	3.651	36.510.000
91	NGUYỄN VĂN	LÝ	CN máy tráng NM2	11/02/1965	121/23 PHAN ĐĂNG LƯU - P.1 - Q. PN	021724106	335	3.350.000
92	HUỲNH THỊ VINH	MAI	PT Phòng XNK	24/10/1972	716/H HẬU GIANG . P.12 - Q.6 - HCM	023252911	5.608	56.080.000
93	VŨ ĐỨC	MINH	CN cắt cuộn NM2	07/01/1973	16/15 LŨY BÁN BÍCH . P.20 - TÂN BÌNH - HCM	023720831	335	3.350.000
94	PHẠM THÀNH	MƯƠNG	NV P. KTCN	29/09/1962	73KC TRẦN QUANG CƠ . P.18 - TÂN BÌNH - HCM	021325275	671	6.710.000
95	NGUYỄN THỊ	MƯỚP	NV P. TCHC	01/07/1953	B14/5 P. BÌNH THUẬN - Q.7 - HCM	020129397	224	2.240.000
96	PHAN CHI	MỸ	Trưởng phòng QA	05/08/1974	46/24 CX LỮ GIA . P.15 - Q.11 - HCM	022731476	3.130	31.300.000
97	NGUYỄN XUÂN	ĐẮNG	CN làm túi NM2	15/11/1976	137/31/5 KP12 PHAN ANH - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	023613411	335	3.350.000
98	LÊ VĂN	ĐỆ	NV cơ điện	10/10/1974	TUY HOÀ - PHÚ YÊN	220924837	559	5.590.000
99	NGUYỄN THỊ	NGA	CN làm túi NM1	10/10/1973	367/11 VƯỜN LÀI - P.PHÚ THỌ HÒA - Q.TÂN PHÚ - TP. HCM	024024588	335	3.350.000
100	LÊ VỊNH	NGHI	NV P. Kinh doanh	08/03/1966	124/3 TÂN KHAI - Q. 11 - HCM	021643251	335	3.350.000
101	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	CN máy in NM1	21/12/1977	111/25 TÂN THIỀNG - CHỢ LÁCH - BẾN TRE	320909051	335	3.350.000
102	KHUẤT ANH	NGỌC	NV P. Kinh doanh	28/02/1972	9K1 CHU VĂN AN . P . 20 - BÌNH THẠNH - HCM	022672144	745	7.450.000
103	VÕ THẮNG	NGỌC	Tổ trưởng cắt cuộn	20/11/1970	124/1 BÙI THỊ XUÂN . P. PHẠM NGŨ LÃO - Q.1 - HCM	022543983	931	9.310.000
104	CHẾ ĐÌNH	NGUYÊN	CN máy tráng NM2	03/08/1970	NGHI TRUNG - NGHI LỘC - NGHỆ AN	181829238	335	3.350.000
105	LÊ	NGUYÊN	CN cắt cuộn NM1	01/02/1978	TAM NGỌC - TAM KỲ - QNĐN	205375860	335	3.350.000
106	ĐẶNG THẾ	NHÂN	NV NMCB	08/09/1978	HỘI CƯ - CÁI BÈ - TIỀN GIANG	023460760	224	2.240.000

107	NGUYỄN NGỌC	NHÂN	NV NMCB	11/10/1968	345/2B NGUYỄN DUY . P.15 - Q. 8 - HCM	022330519	559	5.590.000
108	VŨ THỊ	NHẬT	CN làm túi NM1	19/11/1972	339/50/5 PHAN VĂN TRỊ . P.5 - GÒ VẤP - HCM	023831574	335	3.350.000
109	ĐOÀN THU	NHẠN	Kế toán trưởng	06/06/1963	K1 - BỪU LONG - F 15 - Q.10 - TP.HCM	021574436	4.173	41.730.000
110	NGUYỄN THANH	NHÀN	CN máy tráng NM2	17/11/1978	ẤP 4 . LONG HÒA - CẦN ĐƯỚC - LONG AN	300868694	335	3.350.000
111	NGUYỄN VĂN	NINH	CN làm túi NM2	02/11/1979	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023673429	335	3.350.000
112	VÕ LÂM	ĐỒNG	NV P. KTCN	04/09/1974	ẤP 5 . XÃ MỸ QUÝ TÂY - ĐỨC HUỆ - LONG AN	300598116	671	6.710.000
113	BÙI QUANG	ĐỊNH	P. Giám đốc NMCB	25/02/1967	141 PHẠM HỮU CHÍ - Q5 - TP. HCM	021836662	2.608	26.080.000
114	VÕ TIẾN	ĐỨC	CN máy in NM1	20/07/1970	30 KP6 - P.BÌNH HƯNG HÒA A - BÌNH TÂN - TP.HCM	024555676	335	3.350.000
115	NGUYỄN VĂN	PHẬN	CN cắt cuộn NM2	08/01/1979	LONG THẠNH . LONG AN - CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG	311573762	335	3.350.000
116	HUỲNH THANH	PHÍ	CN máy in NM2	12/01/1973	45/12 ĐỒNG XOÀI - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	024397887	335	3.350.000
117	LÊ TẤN	PHONG	Tổ phó máy in	19/06/1969	117/15 MINH PHỤNG - Q6 - TP. HCM	022341573	745	7.450.000
118	NGUYỄN THANH	PHONG	NV P. TCHC	02/11/1964	A2/15 QLỘ 50 - ẤP 50 BÌNH HƯNG - BÌNH CHÁNH - HCM	021204645	224	2.240.000
119	TĂNG VĂN	PHONG	Tổ phó cắt cuộn	06/11/1960	637/15/38 ĐƯỜNG QUANG TRUNG, F11, Q.GÒ VẤP	022225630	745	7.450.000
120	VÕ NAM	PHONG	NV P. KTCN	25/03/1975	192 ẤP BẮC . P.5 - -TP. MỸ THO . TIỀN GIANG	311402446	224	2.240.000
121	LONG VĂN	PHƯỢNG	CN cắt cuộn NM2	04/01/1972	222 TÔN ĐẢN . P.4 - Q.8 - HCM	022783005	335	3.350.000
122	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	NV P. Kinh doanh	20/01/1970	195/13 VƯỜN LÀI - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	200931076	447	4.470.000
123	VÕ KIM	PHƯỢNG	CN làm túi NM2	04/05/1969	124/1 BÙI THỊ XUÂN - Q1 - HCM	022665200	335	3.350.000
124	NGUYỄN HÙNG	PHƯƠNG	NV cơ điện	04/06/1968	366/25 LÊ VĂN QUỚI - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	320628658	335	3.350.000
125	NGUYỄN THỊ NHẬT	PHƯƠNG	CN làm túi NM1	11/03/1973	61A HƯƠNG LỘ 14 . P 20 - TÂN BÌNH - HCM	024425400	335	3.350.000

126	PHAN ĐỨC	PHƯỚC	CN làm túi NM1	12/02/1982	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	321137244	335	3.350.000
127	MAI CÔNG	PHỤ	CN máy in NM1	12/10/1976	CHÁNH THẮNG . CÁT THÀNH - PHÙ CÁT - BÌNH ĐỊNH	211505224	335	3.350.000
128	NGUYỄN THANH	PHÚ	CN cắt cuộn NM1	21/10/1977	662/90 BÙI ĐÌNH TUÝ - P12 - Q. BÌNH THẠNH - TP. HCM	023039976	335	3.350.000
129	HỒ HOÀNG	PHÚC	NV NMCB	12/02/1973	A10/55 ẤP I . TÂN TẠO - BÌNH CHÁNH - HCM	022891164	335	3.350.000
130	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	CN cắt cuộn NM1	12/06/1971	77/5 KP 10 BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	024570012	335	3.350.000
131	PHẠM GIA	PHÚC	NV cơ điện	01/05/1978	107/9 NGÔ ĐỨC KẾ . P.17 - Q. TÂN BÌNH - HCM	023036997	335	3.350.000
132	TẾNH CỐNG	PHÚC	CN máy tráng NM1	14/06/1967	82/900 LÊ ĐỨC THỌ . P.17 - GÒ VẤP - HCM	022262367	335	3.350.000
133	LÊ VĂN	QUÂN	NV NMCB	12/08/1976	227/27A LIÊN TỈNH 5 - PHƯỜNG 5 - QUẬN 8 - TP. HCM	023021828	447	4.470.000
134	NGUYỄN ĐẮC	QUANG	Trưởng phòng KTCN	20/09/1970	208 PHÓ CƠ ĐIỀU . P 6 - Q.11 - HCM	022532461	6.651	66.510.000
135	PHẠM THỊ	QUANG	CN làm túi NM1	20/08/1958	84-DS8 KP3 BÌNH TRỊ ĐÔNG - Q.BÌNH TÂN - TP. HCM	022449492	335	3.350.000
136	TẾNH CỐNG	QUAY	NV NMCB	01/10/1969	61/31C CHU VĂN AN . P.12 - BÌNH THẠNH - HCM	022252153	335	3.350.000
137	LÊ ĐỨC	QUỲNH	Tổ phó cắt cuộn	01/12/1963	36/3A NGUYỄN THỊ THẬP - BÌNH THUẬN - Q7 - TP. HCM	024330568	447	4.470.000
138	LÝ MẠNH	QUỲNH	NV cơ điện	18/12/1967	111 LÔ C2 CC P6 - Q.4 - TP. HCM	340600863	559	5.590.000
139	NGUYỄN BÁ	SANG	CN máy tráng NM2	10/08/1971	6 BẾN VÂN ĐỒN . P2 - Q.4 - HCM	022147015	335	3.350.000
140	THẠCH	SANG	CN cắt cuộn NM1	29/04/1969	90/159 ĐƯỜNG SỐ 1 . P.12 - TÂN BÌNH - HCM	022171100	335	3.350.000
141	DƯƠNG ANH	SƠN	Tổ trưởng làm túi	19/01/1956	25/5A CMT8 - P15 - Q. TBÌNH - TP. HCM	020062489	931	9.310.000
142	LÊ ĐỨC	SƠN	NV P. Kinh doanh	20/06/1959	133L TÔ HIẾN THÀNH . P 13 - Q. 10 - HCM	023827561	335	3.350.000
143	LÝ HỒNG	SƠN	Giám đốc NMCB	10/09/1957	161B/20 LẠC LONG QUÂN - Q11 - TP. HCM	021599550	3.651	36.510.000
144	NGUYỄN NGỌC	SƠN	NV P. XNK	01/12/1961	307/33 NGUYỄN VĂN TRỔI - Q. TBÌNH - TP. HCM	021579395	335	3.350.000

145	VŨ VĂN	SƠN	Giám đốc NMBB1	09/08/1949	12 BÀU CÁT - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	023006965	3.651	36.510.000
146	ĐINH THỊ HỒNG	SƯƠNG	CN làm túi NM1	09/04/1970	59/29B TRẦN PHÚ . P.4 -Q.5 - HCM	022457469	335	3.350.000
147	NGÔ VĂN	TÀI	NV cơ điện	30/01/1972	TAM GIANG - NÚI THÀNH - QUẢNG NAM	205010873	335	3.350.000
148	NGUYỄN VĂN	THẮNG	CN làm túi NM1	22/06/1976	151/24A LÝ THÁNH TÔNG - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	182137009	335	3.350.000
149	PHẠM VĂN	THĂNG	NV cơ điện	16/06/1959	185 TRẦN TUẤN KHẢI - Q.5 - HCM	023650511	335	3.350.000
150	LÊ QUỐC	THANH	CN máy in NM2	17/06/1973	D23/39/14 BÌNH TRỊ ĐÔNG - BÌNH CHÁNH - HCM	300724323	335	3.350.000
151	NGUYỄN LÊ	THANH	NV P. KTCN	24/12/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022722914	671	6.710.000
152	NGUYỄN QUỐC	THANH	CN máy in NM2	25/09/1973	THẠNH LỢI - BẾN LỨC - LONG AN	300724323	335	3.350.000
153	NGUYỄN VĂN	THÀNH	Tổ trưởng bảo vệ	12/12/1961	65B ĐƯỜNG VÕ MƯỜI, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH	211461321	335	3.350.000
154	TẠ QUANG	THÀNH	CN cắt cuộn NM1	07/10/1974	279/4B LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	022843940	335	3.350.000
155	NGUYỄN QUỐC	THÁI	NV P. KTCN	28/11/1962	129F/186/21/4 BẾN VÂN ĐỒN - Q.4 - TP. HCM	020392474	671	6.710.000
156	ĐOÀN MINH	THIỆN	CN làm túi NM1	18/08/1981	17 LÔ D PHẠM VĂN CHÍ . P.7 - Q.6 - HCM	023521759	335	3.350.000
157	NGUYỄN ĐÌNH	THÌN	CN cắt cuộn NM1	27/10/1976	16/16 A ĐƯỜNG 14 A, P.BÌNH HƯNG HOÀ A, Q.BÌNH TÂN	182204070	335	3.350.000
158	TRỊNH XUÂN	THƯ	CN máy in NM1	12/02/1972	TÂN THANH - TÂN BÌNH - TÂN BIÊN - TÂY NINH	290685248	335	3.350.000
159	NGUYỄN DUY	THOẠI	CN làm túi NM2	09/10/1978	ẤP 1 - PHƯỚC VĨNH AN - CỦ CHI	023190285	335	3.350.000
160	VÕ ĐỨC	THÔNG	Tổ trưởng máy tráng	02/01/1960	130H LÊ PHÚC HOẠCH . P18 - TÂN BÌNH - HCM	3Q1A39212	931	9.310.000
161	LƯU TRÍ	THỌ	CN cắt cuộn NM1	07/11/1969	125/2 TRƯƠNG VĨNH KÝ, Q.TÂN PHÚ	024223403	335	3.350.000
162	ĐẶNG	THỌ	NV NMCB	01/05/1975	HOÀ KHÁNH - LIÊN CHIỂU - ĐÀ NẴNG	201179338	335	3.350.000
163	BÙI QUANG	THỊNH	Phó Tổng Giám đốc	04/11/1957	28/14 PHAN ĐÌNH GIÓT - P2 - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	020882134	6.706	67.060.000

164	NGUYỄN VĂN	THỊNH	CN máy in NM2	15/08/1979	2303C HỒNG LẠC . P.10 - Q.TÂN BÌNH - HCM	023330699	335	3.350.000
165	THÁI QUANG	THỊNH	NV cơ điện	04/12/1976	SL19 CX PHÚ LÂM A . P.12 - QUẬN 6 - HCM	023255955	335	3.350.000
166	PHẠM HOÀNG	THƯƠNG	CN máy tráng NM2	26/03/1973	183/14A TÔN THẤT THUYẾT . P. 4 - Q.4 - HCM	022491625	335	3.350.000
167	DƯƠNG MINH	THỨC	CN máy tráng NM2	03/10/1979	LỘC AN - LỘC GIANG - ĐỨC HOÀ - LONG AN	300945408	335	3.350.000
168	TRẦN THỊ MỘNG	THU	NV P. TCKT	27/10/1983	355 CMT8 -P12 - Q.10 - TP. HCM	023467475	335	3.350.000
169	PHẠM ĐỨC	THUẬN	Tổ trưởng làm túi	27/06/1974	15 ĐOÀN GIỎI . P.16 - TÂN BÌNH - HCM	023453626	931	9.310.000
170	NGUYỄN HỒ	THỦY	NV P. KTCN	04/02/1977	D9/282 ẤP 4 . ĐA PHƯỚC - BÌNH CHÁNH - HCM	022961271	671	6.710.000
171	NGUYỄN THỊ HỮU	THỦY	Phó phòng Kinh doanh	25/03/1964	33/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT . P.6 - Q.TÂN BÌNH - HCM	020997368	3.651	36.510.000
172	ĐINH THỊ HỒNG	THỦY	CN làm túi NM1	01/01/1974	59/29 B TRẦN PHÚ . P.4 - Q.5 - HCM	022796403	335	3.350.000
173	ĐINH MINH	TIÊN	CN cắt cuộn NM2	02/01/1977	11 ĐƯỜNG 27 KP2 . BÌNH TRƯNG - Q.2 - HCM	023104345	335	3.350.000
174	HÀ PHƯỚC	TỒN	NV NMCB	27/02/1970	108 LÔ C C/C HÙNG VƯƠNG - Q.5 - HCM	022593441	559	5.590.000
175	LÝ MẠNH	TƯỜNG	NV NMCB	18/10/1970	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023272665	559	5.590.000
176	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Giám đốc NMBB2	09/06/1964	120/4 TRẦN HUY LIỆU - P15 - Q.PN - TP. HCM	023328961	3.651	36.510.000
177	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	CN làm túi NM1	18/02/1966	A2/15 QLỘ 50 - BÌNH CHÁNH - HCM	021229684	335	3.350.000
178	NGÔ MINH	TRÍ	CN cắt cuộn NM1	20/04/1965	7/18 ẤP 4 . TỔ 17 . TÂN HƯNG - Q. 7 - HCM	023452871	335	3.350.000
179	NGUYỄN VĂN	TRÍ	NV NMCB	27/08/1971	291/3 LŨY BÁN BÍCH . P.19 - TÂN BÌNH - HCM	022350856	335	3.350.000
180	VÕ MINH	TRÍ	CN cắt cuộn NM2	30/10/1978	810 HẬU GIANG . P.12 - Q.6 - HCM	024673203	335	3.350.000
181	PHAN TRẦN MINH	TRIẾT	NV P. Kinh doanh	11/02/1971	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	320746678	224	2.240.000
182	TRẦN THỊ KIM	TRINH	CN làm túi NM1	04/08/1971	82/7 KP5 - TỔ 50 - LINH CHIỂU - TP. HCM	022465663	335	3.350.000

183	LÂM MINH	TRƯỜNG	NV NM2	17/08/1969	496/17 SƯ VẠN HẠNH - P9 -Q10 - TP. HCM	021859599	335	3.350.000
184	NGUYỄN TẤN	TRUNG	NV P. Kinh doanh	23/09/1968	575/12A CMT8 . P.15 - Q.10 - HCM	022279097	335	3.350.000
185	TỪ TIẾN	TRUNG	CN cắt cuộn NM2	04/12/1976	97/4/2 KP8 - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	031207506	335	3.350.000
186	VÕ HOÀNG	TRUNG	NV NMCB	29/05/1971	45 TRẦN KHÁNH DƯ . P. AN HOÀ - TX RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	370906257	559	5.590.000
187	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	CN làm túi NM2	20/12/1977	16 PHAN BỘI CHÂU - TX GÒ CÔNG - TIỀN GIANG	311586228	335	3.350.000
188	CHẾ ANH	TUẤN	P. Giám đốc NMBB1	19/09/1960	305/31/17A LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	023500209	2.608	26.080.000
189	LÊ ANH	TUẤN	CN làm túi NM2	23/11/1978	179 CMT8 . TT XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI	271294886	335	3.350.000
190	NGUYỄN ANH	TUẤN	NV NMCB	08/10/1966	36 LÊ TỰ TÀI - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HCM	021969581	335	3.350.000
191	PHẠM HOÀNG	TUẤN	NV NMCB	25/02/1949	353/33 SƯ VẠN HẠNH NỐI DÀI - Q.10 - TP. HCM	023007139	559	5.590.000
192	TRẦN VĂN	TUẤN	Tổ phó bảo vệ	27/07/1962	333/97 TRẦN BÌNH TRỌNG . P.4 - Q.5 - HCM	022078371	291	2.910.000
193	PHAN LÊ MẠNH	TUÂN	Tổ trưởng máy in	02/09/1971	27/2B QUANG TRUNG - Q. GÒ VẤP - TP. HCM	024227788	931	9.310.000
194	ĐẶNG THANH	TÙNG	NV P. Kinh doanh	19/11/1976	KHỐI 14 . PHƯỜNG HƯNG BÌNH - VINH - NGHỆ AN	182107696	224	2.240.000
195	PHAN KIM	TUYẾN	NV P. R&D	30/07/1971	208 NHẬT TẢO . P.8 - Q.10 - HCM	022473113	358	3.580.000
196	NGÔ THỊ BẠCH	TUYẾT	NV P. Kinh doanh	19/10/1966	61/ THẠCH LAM - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	021918462	931	9.310.000
197	NGUYỄN VĂN	ÚT	NV P. Kinh doanh	20/10/1975	B17/1 ẤP 2 . TÂN QUÝ TÂY - BÌNH CHÁNH - HCM	022895058	931	9.310.000
198	NGUYỄN THANH	VIỆT	CN làm túi NM1	08/03/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022720668	335	3.350.000
199	TRẦN ĐÌNH	VINH	Tổ phó máy tráng	03/09/1969	D20/41B ẤP 4 . BÌNH TRỊ ĐÔNG - BÌNH TÂN - TP.HCM	024103042	745	7.450.000
200	TRẦN PHÚ	VINH	NV P. KTCN	11/02/1971	350/31 LÊ VĂN QUỚI, KP11, BÌNH HƯNG HÒA A, Q.TÂN BÌNH	270903119	745	7.450.000
201	NGÔ QUỲNH UY	VŨ	CN làm túi NM2	15/04/1980	98/32 CMT8 - P.5 - Q. TBÌNH - TP. HCM	023333097	335	3.350.000

202	TRẦN VŨ	CN máy in NM2	08/04/1963	11/63 NGUYỄN HỮU TIẾN - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	020804643	335	3.350.000
	Tổng cộng					**200.000**	**2.000.000.000**

Tp. HCM, ngày 18 tháng 06 năm 2007
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

TANTIEN PLASTIC PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

117/2 Lũy Bán Bích – Quận Tân Phú – Tp. HCM

Số: 07/2007/NQ-HĐQT

Tp. HCM, ngày 14/07/2007

NGHỊ QUYẾT

V/v: Danh sách CB.CNV được quyền mua cổ phiếu đợt 02

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 12/09/1999
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã được thông qua ngày 20/04/2007
- Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2007 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/04/2007.
- Căn cứ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 14/07/2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, CB. CNV trong Công ty được quyền mua cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành đợt 02 là: 300.000 cổ phiếu với giá bằng mệnh giá. Danh sách chi tiết đính kèm..

Điều 2: Thông qua việc thay đổi số lần phát hành cổ phiếu thưởng cho CB.CNV trong Công ty từ 03 đợt xuống 02 đợt, HĐQT cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc thay đổi số lượng đợt phát hành. Thời gian phát hành đợt 02 là 05 tháng sau khi phát hành đợt 01.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân tiến có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung trong gnhị quyết này.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, CB.CNV ĐƯỢC QUYỀN MUA CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN (Đợt phát hành 12/2007)

(Ban hành theo Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐQT ngày 14/06/2007)

Stt	*Họ và tên*		*Chức vụ*	*Ngày sinh*	*Địa chỉ*	*CMND*	*Số lượng CP*	*Thành tiền*
1	LÊ MINH	CƯỜNG	Chủ tịch HĐQT	06/07/1960	574/41 NGUYỄN KIỆM . P.4 - PHÚ NHUẬN - HCM	022758956	26.320	263.200.000
2	ĐOÀN THU	NHẠN	Thành viên HĐQT	06/06/1963	K1 - BỬU LONG - F 15 - Q.10 - TP.HCM	021574436	13.160	131.600.000
3	NGUYỄN THỊ HỮU	THỦY	Thành viên HĐQT	25/03/1964	33/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT . P.6 - Q.TÂN BÌNH - HCM	020997368	13.160	131.600.000
4	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Thành viên HĐQT	09/06/1964	120/4 TRẦN HUY LIỆU - P15 - Q.PN - TP. HCM	023328961	13.160	131.600.000
5	BÙI QUANG	THỊNH	Phó Chủ tịch HĐQT	04/11/1957	28/14 PHAN ĐÌNH GIÓT - P2 - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	020882134	13.160	131.600.000
6	CHẾ ANH	TUẤN	Trưởng BKS	19/09/1960	305/31/17A LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	023500209	9.190	91.900.000
7	HUỲNH THANH	KHÁNG	Thành viên BKS	02/11/1967	98/3 TRẦN QUANG CƠ - PHÚ THẠNH - TÂN PHÚ - TP. HCM	024332141	3.950	39.500.000
8	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	Thành viên BKS	17/07/1974	8/9 LÊ THÁNH TÔN . P. BẾN NGHÉ - Q.1 - HCM	022714891	3.950	39.500.000
9	LÊ THANH	HẢI	Thư ký HĐQT	22/11/1977	46/24 CƯ XÁ LỮ GIA - P15 - Q11 - TP. HCM	197052756	3.950	39.500.000
10	NGUYỄN QUỐC	ÂN	Phó ngành Cơ điện	01/01/1961	5/21/5 ĐẤT THÁNH . P.6 - TÂN BÌNH - HCM	022672558	3.674	36.740.000
11	LÊ HOÀI	AN	CN cắt cuộn NM1	25/10/1968	72 TRẦN CHÁNH CHIÊU . P14 - Q.5 - HCM	022000169	472	4.720.000
12	VŨ TUẤN	ANH	CN cắt cuộn NM1	03/09/1967	339/50/5 PHAN VĂN TRỊ . P.5 - GÒ VẤP - HCM	023971004	472	4.720.000
13	TRƯƠNG	ÁNH	CN máy tráng NM1	02/11/1968	183/69 KP4 - TÂN CHÁNH HIỆP - Q12 - TP. HCM	024563531	472	4.720.000
14	TRẦN	BẢN	CN máy tráng NM2	24/11/1978	47 TRẦN THỊ KỸ - NGÔ MÂY - TP. QUY NHƠN	211637656	472	4.720.000

15	NGUYỄN NGỌC	BẢO	NV cơ điện	15/10/1975	180 LONG GIAO - LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI	023306652	472	4.720.000
16	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	CN làm túi NM1	15/01/1977	77/5 KP 10 BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	024570013	472	4.720.000
17	LÊ TẤN	BỬU	NV P. KTCN	15/08/1971	15/20/9A TỔ 18 - KP5 - ĐÔNG HƯNG THUẬN - Q12 - TP. HCM	205400693	315	3.150.000
18	VŨ MINH	CHÂU	CN máy in NM1	31/05/1963	8A TRẦN NHÂN TÔNG - Q. HAI BÀ - HÀ NỘI	010140278	472	4.720.000
19	HUỲNH VĂN	CHƯƠNG	NV P. KTCN	10/10/1976	493/171 CMT8 - P13 - Q.10 - TP. HCM	211581964	315	3.150.000
20	NGUYỄN NGỌC	CÔNG	NV cơ điện	28/05/1966	10 PASTEUR . P. LẠC ĐẠO - PHAN THIẾT - BÌNH THUẬN	260463951	787	7.870.000
21	TRẦN VĂN	CƯƠNG	CN cắt cuộn NM2	07/10/1978	333/97 TRẦN BÌNH TRỌNG . P.4 - Q.5 - HCM	151399546	472	4.720.000
22	BÙI VĂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	10/03/1976	98/2B LŨY BÁN BÍCH . P TÂN THỚI HÒA - TÂN PHÚC - TP. HCM	024000634	472	4.720.000
23	CAO XUÂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	01/04/1970	128 PHỐ HUẾ . P. NGÔ THÌ NHẬM - Q. HAI BÀ - HÀ NỘI	011420150	472	4.720.000
24	LÊ MINH	CƯỜNG	Tổng giám đốc	06/07/1960	574/41 NGUYỄN KIỆM . P.4 - PHÚ NHUẬN - HCM	022758956	10.497	104.970.000
25	LƯU	CƯỜNG	Tổ trưởng cắt cuộn	27/11/1964	19 NGUYỄN TRÃI . P.2 - Q.5 - HCM	020734833	1.312	13.120.000
26	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	CN máy in NM1	27/01/1972	ĐỘI 2 . TAM XUÂN 3 - NÚI THÀNH - QNĐN	205159373	472	4.720.000
27	PHẠM MẠNH	CƯỜNG	CN máy tráng NM2	20/08/1973	9/13 TRẦN QUANG CƠ - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	145163340	472	4.720.000
28	NGUYỄN THANH	DANH	NV P. Kinh doanh	17/02/1972	220/96 HOÀNG HOA THÁM - BÌNH THẠNH - HCM	022680161	472	4.720.000
29	NGUYỄN HOÀI	DƯƠNG	CN máy tráng NM2	20/05/1975	4/34A NGUYỄN OANH . P.17 - GÒ VẤP - HCM	023082539	472	4.720.000
30	NGÔ THỊ KIM	DUNG	NV P. TCHC	08/05/1960	52A TỔ 60 NGUYỄN NHỮ LẢM . P.PHÚ THỌ HÒA - TÂN PHÚ - HCM	023007057	315	3.150.000
31	ĐOÀN THỊ NGỌC	DUNG	NV P. Kinh doanh	06/11/1974	K1, BỬU LONG, F.15, Q.10	023160509	787	7.870.000
32	DƯƠNG ANH	DŨNG	CN làm túi NM1	07/01/1977	378/42 THOẠI NGỌC HẦU - Q. TAN PHÚ - TP. HCM	024668999	472	4.720.000

33	ĐẶNG QUỐC	DŨNG	NV NMCB	22/12/1968	140/3 BẾN CẦN GUỘC . P.11 - Q.8 - HCM	022193547	472	4.720.000
34	ĐOÀN VĂN	DŨNG	CN máy in NM1	19/03/1960	100/406 THÍCH QUẢNG ĐỨC . P.5 - PHÚ NHUẬN - HCM	023459658	472	4.720.000
35	PHAN TIẾN	DŨNG	NV NMCB	29/04/1961	153/8 BÌNH THỚI . P.11 - Q.11 - HCM	020225285	472	4.720.000
36	TRƯƠNG THÀNH	DŨNG	CN máy tráng NM1	25/07/1975	341/122D LẠC LONG QUÂN - P5 - Q11 - TP. HCM	024196370	472	4.720.000
37	UÔNG TIẾN	DŨNG	CN máy tráng NM1	27/03/1961	129F/ 186/81B BẾN VÂN ĐỒN . P.8 - Q.4 - HCM	020392301	472	4.720.000
38	NGUYỄN BỬU	DUY	CN làm túi NM2	09/08/1981	158/ẤP 6 TÂN THẠNH - CHÂU THÀNH - BẾN TRE	321028160	472	4.720.000
39	TRẦN THƯỢNG	DY	Tổ phó làm túi	01/09/1971	ĐỘI 1 BÌNH LỘC - CAN LỘC - HÀ TĨNH	181882586	630	6.300.000
40	HUỲNH NGUYỄN VÂN	GIANG	NV P. Kinh doanh	01/07/1976	23 LÊ NGUNG - TX QUẢNG NGÃI - QUẢNG NGÃI	212017978	472	4.720.000
41	NGUYỄN THỊ	HẰNG	CN làm túi NM1	29/03/1967	17 B NGUYỄN VĂN LƯỢNG . P.10 - GÒ VẤP - HCM	022167083	472	4.720.000
42	NGUYỄN HỮU	HẠNG	NV NMCB	09/01/1971	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	024596996	1.050	10.500.000
43	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	CN làm túi NM1	22/11/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022801526	472	4.720.000
44	ĐỖ THỊ MỸ	HẠNH	Tổ phó làm túi	17/09/1965	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	024282158	1.050	10.500.000
45	TRỊNH THỊ	HÀ	CN làm túi NM1	18/04/1976	ẤP LONG KHÁNH - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI	271385076	472	4.720.000
46	LÊ PHƯỚC	HẢI	CN máy in NM2	31/07/1976	B21/1 KHU PHỐ I . P. BÌNH AN - Q.2 - HCM	022955349	472	4.720.000
47	LÊ THANH	HẢI	Phó phòng TCHC	22/11/1977	46/24 CƯ XÁ LỮ GIA - P15 - Q11 - TP. HCM	197052756	4.445	44.450.000
48	NGÔ MINH	HẢI	CN làm túi NM2	16/09/1979	154/113 ÂU DƯƠNG LÂN - Q8 - TP. HCM	311576907	472	4.720.000
49	NGUYỄN HỒNG	HẢI	NV cơ điện	15/05/1975	18/60T LÊ HỒNG PHONG - TX THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG	280666004	1.050	10.500.000
50	NGUYỄN THANH	HẢI	NV P. KTCN	07/10/1975	345 NGUYỄN VĂN CỪ - BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG	250691486	315	3.150.000

51	PHAN THANH	HẢI	Tổ trưởng máy tráng	27/01/1974	8/17 TÂN HÒA . P.1 - Q.11 - HCM	024135390	1.312	13.120.000
52	NGUYỄN TRUNG	HẢO	CN máy in NM2	20/07/1975	2/60 BÌNH ĐƯỜNG 1 . AN BÌNH - DỈ AN - BÌNH DƯƠNG	131642509	472	4.720.000
53	NGÔ THỊ DIỆU	HIỀN	CN làm túi NM1	21/03/1975	180/30 LÝ THÁNH TÔNG - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	300784118	472	4.720.000
54	NGUYỄN CHÍ	HIỆN	NV P. KTCN	02/08/1977	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	320898263	315	3.150.000
55	NGUYỄN VĂN	HÔN	CN máy tráng NM1	03/02/1960	451B/56B PHẠM THẾ HIỂN . P.3 - Q.8 - HCM	111122736	472	4.720.000
56	MÃ TUYẾT	HỒNG	CN làm túi NM2	28/08/1974	82/896 LÊ ĐỨC THỌ - GÒ VẤP - HCM	022870895	472	4.720.000
57	ĐỖ THỊ THANH	HỒNG	NV NM1	28/07/1957	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	020079800	1.050	10.500.000
58	NGUYỄN THỊ	HOANG	CN làm túi NM1	17/05/1977	183/69 TÂN CHÁNH HIỆP - Q12 - TP. HCM	300917229	472	4.720.000
59	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	CN máy tráng NM2	28/10/1978	SƠN HÀ - HƯƠNG SƠN - HÀ TỈNH	183077373	472	4.720.000
60	TRẦN NGUYỄN	HOÀNG	NV NMCB	01/05/1967	521/91/58 HOÀNG VĂN THỤ . P.4 - TÂN BÌNH - HCM	022025806	472	4.720.000
61	TẾNH CÔNG	HƯNG	CN máy tráng NM1	18/05/1972	45/22 NGUYÊN HỒNG . P.11 - BÌNH THẠNH - HCM	022252176	472	4.720.000
62	KHỔNG ĐỨC	HÒA	CN máy tráng NM1	05/07/1972	ĐÔNG MỸ - ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	151115009	472	4.720.000
63	NGUYỄN THỊ XUÂN	HÒA	Phó phòng TCHC	14/12/1954	B209 CC NGUYỄN TẤT THÀNH - Q.4 - HCM	020239341	3.674	36.740.000
64	HỒ VĂN	HÙNG	CN máy tráng NM1	23/07/1973	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	220962642	472	4.720.000
65	ĐÀM TRẦN PHI	HÙNG	NV NMCB	13/12/1971	38L CXNH . KP5 . TÂN THUẬN TÂY - Q.7 - HCM	024052745	472	4.720.000
66	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	NV NM1	12/07/1980	28-702 HỒNG BÀNG - P.1 - Q.11 - TP HCM	023381711	472	4.720.000
67	TRẦN QUANG	HÙNG	CN máy tráng NM2	22/12/1972	536/32/2 ÂU CƠ - Q. TÂN BÌNH - TP, HCM	171827079	472	4.720.000
68	LÊ QUỐC	HUY	CN máy tráng NM1	27/07/1972	289/3 BẾN VÂN ĐỒN . P.2 - Q.4 - HCM	022287928	472	4.720.000
69	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	Phó phòng QA	15/04/1963	115/6 TRẦN QUANG CƠ . P.18 - TÂN BÌNH - HCM	280530352	630	6.300.000

70	NGUYỄN TIẾN	HUY	CN cắt cuộn NM2	19/10/1979	171 KP I - BÌNH TRƯNG ĐÔNG - QUẬN 2 - TP. HCM	023234918	472	4.720.000
71	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	NV P. TCKT	17/07/1974	8/9 LÊ THÁNH TÔN . P. BẾN NGHÉ - Q.1 - HCM	022714891	1.312	13.120.000
72	HUỲNH THANH	KHÁNG	Phó ngành Cơ điện	02/11/1967	98/3 TRẦN QUANG CƠ - PHÚ THẠNH - TÂN PHÚ - TP. HCM	024332141	3.674	36.740.000
73	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	Phó phòng Kinh doanh	28/05/1971	118/90/11E PHAN HUY ÍCH- P.15 - Q.TBÌNH	022102260	4.409	44.090.000
74	TRỊNH NAM	KHÁNH	CN làm túi NM2	'04/09/1974	31D/2 KPII HIỆP THÀNH - Q12 - TP. HCM	197094133	472	4.720.000
75	PHAN THANH	KHÁNH	CN làm túi NM2	22/11/1978	A4/35 ẤP 1 . VĨNH LỘC A - BÌNH CHÁNH - TP. HCM	023220733	472	4.720.000
76	VÕ HỮU	KHÁNH	P. Giám đốc NMBB2	12/12/1969	23/1 YÊN ĐỖ - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	340661386	3.674	36.740.000
77	VÕ TRỌNG	KHIÊM	NV P. QA	09/10/1975	33/8 NGUYỄN VĂN TRỔI - TX SÓC TRĂNG - SÓC TRĂNG	365002115	504	5.040.000
78	NGUYỄN THANH	KHIẾT	CN cắt cuộn NM1	28/09/1963	157A LŨY BÁN BÍCH . P.20 - TÂN BÌNH - HCM	021204644	472	4.720.000
79	LÂM VĂN	KHOA	CN làm túi NM2	30/11/1980	ẤP TÂN HÓA A - HÒA THÀNH - CÀ MAU	381092024	472	4.720.000
80	VŨ ĐĂNG	KHOA	NV cơ điện	05/01/1972	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022585913	472	4.720.000
81	HUỲNH VĂN	KHƯƠNG	Tổ phó máy tráng	04/08/1976	PHÚ LỢI B . PHÚ THUẬN B - HỒNG NGỰ - ĐỒNG THÁP	340874456	1.050	10.500.000
82	TRẦN ĐỨC	KHƯƠNG	CN máy in NM2	20/02/1971	367/11 VƯỜN LÀI - P.PHÚ THỌ HÒA - Q.TÂN PHÚ - TP. HCM	022147548	472	4.720.000
83	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	CN máy in NM1	02/03/1976	69 PHỐ NGÔ QUYỀN . QUẢNG YÊN - YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	100655684	472	4.720.000
84	NGUYỄN HOÀNG ANH	KIỆT	CN máy in NM1	02/08/1976	27/40/194 HUỲNH TỊNH CỦA . P.8 - Q.3 - HCM	022992870	472	4.720.000
85	NGUYỄN TÙNG	LÂM	CN làm túi NM1	03/11/1974	418 LÔ C C/C HỒ VĂN HUÊ - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HCM	271693245	472	4.720.000
86	LƯU XUÂN	LẬP	CN máy in NM1	26/02/1969	90/195 ĐƯỜNG SỐ 1 . P.12 - TÂN BÌNH - HCM	022171136	472	4.720.000
87	TRẦN VĂN	LẮM	NV P. TCKT	01/01/1975	ẤP LONG BÌNH A - LONG HƯNG - CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG	311432207	630	6.300.000

88	BÙI THIỆN	LỄ	Tổ phó máy in	10/10/1960	34/107 QUÂN SỰ . P.11 - Q. 11 - HCM	020670702	1.050	10.500.000
89	NGUYỄN THANH	LIÊM	Tổ trưởng máy in	12/11/1960	A2/15 ẤP 1 . BÌNH HƯNG - BÌNH CHÁNH - HCM	022130408	1.312	13.120.000
90	TRẦN THANH	LIÊM	NV NMCB	10/03/1979	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023173299	315	3.150.000
91	QUÁCH CÔNG	LỰC	NV P. KTCN	09/08/1972	4 ĐƯỜNG SỐ 18 - P. BÌNH HƯNG HÒA - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	340757819	945	9.450.000
92	HUỲNH PHI	LONG	Trưởng phòng R&D	07/10/1969	342/2 TÂN PHƯỚC . P.7 - Q.10 - HCM	023143501	5.144	51.440.000
93	NGUYỄN VĂN	LÝ	CN máy tráng NM2	11/02/1965	121/23 PHAN ĐĂNG LƯU - P.1 - Q. PN	021724106	472	4.720.000
94	HUỲNH THỊ VINH	MAI	PT Phòng XNK	24/10/1972	716/H HẬU GIANG . P.12 - Q.6 - HCM	023252911	3.674	36.740.000
95	NGUYỄN VĂN	MINH	NV cơ điện	20/07/1957	9/10 TỔ 9 - ẤP 10 - BÌNH HƯNG HÒA A - BÌNH TÂN - TP. HCM	021772208	630	6.300.000
96	VŨ ĐỨC	MINH	CN cắt cuộn NM2	07/01/1973	16/15 LŨY BÁN BÍCH . P.20 - TÂN BÌNH - HCM	023720831	472	4.720.000
97	PHẠM THÀNH	MƯƠNG	NV P. KTCN	29/09/1962	73KC TRẦN QUANG CƠ . P.18 - TÂN BÌNH - HCM	021325275	945	9.450.000
98	NGUYỄN THỊ	MƯỚP	NV P. TCHC	01/07/1953	B14/5 P. BÌNH THUẬN - Q.7 - HCM	020129397	315	3.150.000
99	PHAN CHI	MỸ	Trưởng phòng QA	05/08/1974	46/24 CX LỮ GIA . P.15 - Q.11 - HCM	022731476	4.409	44.090.000
100	NGUYỄN XUÂN	ĐẮNG	CN làm túi NM2	15/11/1976	137/31/5 KP12 PHAN ANH - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	023613411	472	4.720.000
101	LÊ VĂN	ĐỆ	NV cơ điện	10/10/1974	TUY HOÀ - PHÚ YÊN	220924837	1.050	10.500.000
102	NGUYỄN THỊ	NGA	CN làm túi NM1	10/10/1973	367/11 VƯỜN LÀI - P.PHÚ THỌ HÒA - Q.TÂN PHÚ - TP. HCM	024024588	472	4.720.000
103	LÊ VỊNH	NGHI	NV P. Kinh doanh	08/03/1966	124/3 TÂN KHAI - Q. 11 - HCM	021643251	472	4.720.000
104	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	CN máy in NM1	21/12/1977	111/25 TÂN THIỀNG - CHỢ LÁCH - BẾN TRE	320909051	472	4.720.000
105	KHUẤT ANH	NGỌC	NV P. Kinh doanh	28/02/1972	9K1 CHU VĂN AN . P . 20 - BÌNH THẠNH - HCM	022672144	1.050	10.500.000
106	VÕ THẮNG	NGỌC	Tổ trưởng cắt cuộn	20/11/1970	124/1 BÙI THỊ XUÂN . P. PHẠM NGŨ LÃO - Q.1 - HCM	022543983	1.312	13.120.000

107	CHẾ ĐÌNH	NGUYÊN	CN máy tráng NM2	03/08/1970	NGHI TRUNG - NGHI LỘC - NGHỆ AN	181829238	472	4.720.000
108	LÊ	NGUYÊN	CN cắt cuộn NM1	01/02/1978	TAM NGỌC - TAM KỲ - QNĐN	205375860	472	4.720.000
109	ĐẶNG THẾ	NHÂN	NV NMCB	08/09/1978	HỘI CƯ - CÁI BÈ - TIỀN GIANG	023460760	315	3.150.000
110	NGUYỄN NGỌC	NHÂN	NV NMCB	11/10/1968	345/2B NGUYỄN DUY . P.15 - Q. 8 - HCM	022330519	787	7.870.000
111	VŨ THỊ	NHẬT	CN làm túi NM1	19/11/1972	339/50/5 PHAN VĂN TRỊ . P.5 - GÒ VẤP - HCM	023831574	472	4.720.000
112	ĐOÀN THU	NHẠN	Kế toán trưởng	06/06/1963	K1 - BỪU LONG - F 15 - Q.10 - TP.HCM	021574436	5.878	58.780.000
113	NGUYỄN THANH	NHÀN	CN máy tráng NM2	17/11/1978	ẤP 4 . LONG HÒA - CẦN ĐƯỚC - LONG AN	300868694	472	4.720.000
114	NGUYỄN VĂN	NINH	CN làm túi NM2	02/11/1979	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023673429	472	4.720.000
115	VÕ LÂM	ĐỒNG	NV P. KTCN	04/09/1974	ẤP 5 . XÃ MỸ QUÝ TÂY - ĐỨC HUỆ - LONG AN	300598116	945	9.450.000
116	BÙI QUANG	ĐỊNH	P. Giám đốc NMCB	25/02/1967	141 PHẠM HỮU CHÍ - Q5 - TP. HCM	021836662	3.674	36.740.000
117	VÕ TIẾN	ĐỨC	CN máy in NM1	20/07/1970	30 KP6 - P.BÌNH HƯNG HÒA A - BÌNH TÂN - TP.HCM	024555676	472	4.720.000
118	NGUYỄN VĂN	PHẬN	CN cắt cuộn NM2	08/01/1979	LONG THẠNH . LONG AN - CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG	311573762	472	4.720.000
119	HUỲNH THANH	PHÍ	CN máy in NM2	12/01/1973	45/12 ĐỒNG XOÀI - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	024397887	472	4.720.000
120	LÊ TẤN	PHONG	Tổ phó máy in	19/06/1969	117/15 MINH PHỤNG - Q6 - TP. HCM	022341573	1.050	10.500.000
121	NGUYỄN THANH	PHONG	NV P. TCHC	02/11/1964	A2/15 QLỘ 50 - ẤP 50 BÌNH HƯNG - BÌNH CHÁNH - HCM	021204645	315	3.150.000
122	TĂNG VĂN	PHONG	Tổ phó cắt cuộn	06/11/1960	637/15/38 ĐƯỜNG QUANG TRUNG, F11, Q.GÒ VẤP	022225630	1.050	10.500.000
123	VÕ NAM	PHONG	NV P. KTCN	25/03/1975	192 ẤP BẮC . P.5 - -TP. MỸ THO . TIỀN GIANG	311402446	315	3.150.000
124	LONG VĂN	PHƯỢNG	CN cắt cuộn NM2	04/01/1972	222 TÔN ĐẢN . P.4 - Q.8 - HCM	022783005	472	4.720.000
125	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	NV P. Kinh doanh	20/01/1970	195/13 VƯỜN LÀI - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	200931076	630	6.300.000

126	NGUYỄN HÙNG	PHƯƠNG	NV cơ điện	04/06/1968	366/25 LÊ VĂN QUỚI - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	320628658	472	4.720.000
127	NGUYỄN THỊ NHẬT	PHƯƠNG	CN làm túi NM1	11/03/1973	61A HƯƠNG LỘ 14 . P 20 - TÂN BÌNH - HCM	024425400	472	4.720.000
128	PHAN ĐỨC	PHƯỚC	CN làm túi NM1	12/02/1982	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	321137244	472	4.720.000
129	MAI CÔNG	PHỤ	CN máy in NM1	12/10/1976	CHÁNH THẮNG . CÁT THÀNH - PHÙ CÁT - BÌNH ĐỊNH	211505224	472	4.720.000
130	NGUYỄN THANH	PHÚ	CN cắt cuộn NM1	21/10/1977	662/90 BÙI ĐÌNH TUÝ - P12 - Q. BÌNH THẠNH - TP. HCM	023039976	472	4.720.000
131	HỒ HOÀNG	PHÚC	NV NMCB	12/02/1973	A10/55 ẤP I . TÂN TẠO - BÌNH CHÁNH - HCM	022891164	472	4.720.000
132	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	CN cắt cuộn NM1	12/06/1971	77/5 KP 10 BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	024570012	472	4.720.000
133	PHẠM GIA	PHÚC	NV cơ điện	01/05/1978	107/9 NGÔ ĐỨC KẾ . P.17 - Q. TÂN BÌNH - HCM	023036997	472	4.720.000
134	TẾNH CỐNG	PHÚC	CN máy tráng NM1	14/06/1967	82/900 LÊ ĐỨC THỌ . P.17 - GÒ VẤP - HCM	022262367	472	4.720.000
135	LÊ VĂN	QUÂN	NV NMCB	12/08/1976	227/27A LIÊN TỈNH 5 - PHƯỜNG 5 - QUẬN 8 - TP. HCM	023021828	630	6.300.000
136	NGUYỄN ĐẮC	QUANG	Trưởng phòng KTCN	20/09/1970	208 PHÓ CƠ ĐIỀU . P 6 - Q.11 - HCM	022532461	5.144	51.440.000
137	PHẠM THỊ	QUANG	CN làm túi NM1	20/08/1958	84-DS8 KP3 BÌNH TRỊ ĐÔNG - Q.BÌNH TÂN - TP. HCM	022449492	472	4.720.000
138	TẾNH CỐNG	QUAY	NV NMCB	01/10/1969	61/31C CHU VĂN AN . P.12 - BÌNH THẠNH - HCM	022252153	472	4.720.000
139	LÊ ĐỨC	QUỲNH	Tổ phó cắt cuộn	01/12/1963	36/3A NGUYỄN THỊ THẬP - BÌNH THUẬN - Q7 - TP. HCM	024330568	630	6.300.000
140	LÝ MẠNH	QUỲNH	NV cơ điện	18/12/1967	111 LÔ C2 CC P6 - Q.4 - TP. HCM	340600863	787	7.870.000
141	THẠCH	SANG	CN cắt cuộn NM1	29/04/1969	90/159 ĐƯỜNG SỐ 1 . P.12 - TÂN BÌNH - HCM	022171100	472	4.720.000
142	DƯƠNG ANH	SƠN	Tổ trưởng làm túi	19/01/1956	25/5A CMT8 - P15 - Q. TBÌNH - TP. HCM	020062489	1.312	13.120.000
143	LÊ ĐỨC	SƠN	NV P. Kinh doanh	20/06/1959	133L TÔ HIẾN THÀNH . P 13 - Q. 10 - HCM	023827561	472	4.720.000

144	LÝ HỒNG	SƠN	Giám đốc NMCB	10/09/1957	161B/20 LẠC LONG QUÂN - Q11 - TP. HCM	021599550	5.144	51.440.000
145	NGUYỄN NGỌC	SƠN	NV P. XNK	01/12/1961	307/33 NGUYỄN VĂN TRỔI - Q. TBÌNH - TP. HCM	021579395	472	4.720.000
146	VŨ VĂN	SƠN	Giám đốc NMBB1	09/08/1949	12 BÀU CÁT - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	023006965	5.144	51.440.000
147	ĐINH THỊ HỒNG	SƯƠNG	CN làm túi NM1	09/04/1970	59/29B TRẦN PHÚ . P.4 -Q.5 - HCM	022457469	472	4.720.000
148	NGÔ VĂN	TÀI	NV cơ điện	30/01/1972	TAM GIANG - NÚI THÀNH - QUẢNG NAM	205010873	472	4.720.000
149	NGUYỄN VĂN	THẮNG	CN làm túi NM1	22/06/1976	151/24A LÝ THÁNH TÔNG - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	182137009	472	4.720.000
150	PHẠM VĂN	THĂNG	NV cơ điện	16/06/1959	185 TRẦN TUẤN KHẢI - Q.5 - HCM	023650511	472	4.720.000
151	LÊ QUỐC	THANH	CN máy in NM2	17/06/1973	D23/39/14 BÌNH TRỊ ĐÔNG - BÌNH CHÁNH - HCM	300724323	472	4.720.000
152	NGUYỄN LÊ	THANH	NV P. KTCN	24/12/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022722914	945	9.450.000
153	NGUYỄN QUỐC	THANH	CN máy in NM2	25/09/1973	THẠNH LỢI - BẾN LỨC - LONG AN	300724323	472	4.720.000
154	NGUYỄN VĂN	THÀNH	Tổ trưởng bảo vệ	12/12/1961	65B ĐƯỜNG VÕ MƯỜI, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH	211461321	472	4.720.000
155	TẠ QUANG	THÀNH	CN cắt cuộn NM1	07/10/1974	279/4B LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	022843940	472	4.720.000
156	NGUYỄN QUỐC	THÁI	NV P. KTCN	28/11/1962	129F/186/21/4 BẾN VÂN ĐỒN - Q.4 - TP. HCM	020392474	945	9.450.000
157	ĐOÀN MINH	THIỆN	CN làm túi NM1	18/08/1981	17 LÔ D PHẠM VĂN CHÍ . P.7 - Q.6 - HCM	023521759	472	4.720.000
158	NGUYỄN ĐÌNH	THÌN	CN cắt cuộn NM1	27/10/1976	16/16 A ĐƯỜNG 14 A, P.BÌNH HƯNG HOÀ A, Q.BÌNH TÂN	182204070	472	4.720.000
159	TRỊNH XUÂN	THƯ	CN máy in NM1	12/02/1972	TÂN THANH - TÂN BÌNH - TÂN BIÊN - TÂY NINH	290685248	472	4.720.000
160	NGUYỄN DUY	THOẠI	CN làm túi NM2	09/10/1978	ẤP 1 - PHƯỚC VĨNH AN - CỦ CHI	023190285	472	4.720.000
161	VÕ ĐỨC	THÔNG	Tổ trưởng máy tráng	02/01/1960	130H LÊ PHÚC HOẠCH . P18 - TÂN BÌNH - HCM	3Q1A39212	1.312	13.120.000
162	LƯU TRÍ	THỌ	CN cắt cuộn NM1	07/11/1969	125/2 TRƯƠNG VĨNH KÝ, Q.TÂN PHÚ	024223403	472	4.720.000

163	ĐẶNG	THỌ	NV NMCB	01/05/1975	HOÀ KHÁNH - LIÊN CHIỂU - ĐÀ NẴNG	201179338	472	4.720.000
164	BÙI QUANG	THỊNH	Phó Tổng Giám đốc	04/11/1957	28/14 PHAN ĐÌNH GIÓT - P2 - Q. TÂN BÌNH - TP. HCM	020882134	9.447	94.470.000
165	NGUYỄN VĂN	THỊNH	CN máy in NM2	15/08/1979	2303C HỒNG LẠC . P.10 - Q.TÂN BÌNH - HCM	023330699	472	4.720.000
166	THÁI QUANG	THỊNH	NV cơ điện	04/12/1976	SL19 CX PHÚ LÂM A . P.12 - QUẬN 6 - HCM	023255955	472	4.720.000
167	PHẠM HOÀNG	THƯƠNG	CN máy tráng NM2	26/03/1973	183/14A TÔN THẤT THUYẾT . P. 4 - Q.4 - HCM	022491625	472	4.720.000
168	DƯƠNG MINH	THỨC	CN máy tráng NM2	03/10/1979	LỘC AN - LỘC GIANG - ĐỨC HOÀ - LONG AN	300945408	472	4.720.000
169	TRẦN THỊ MỘNG	THU	NV P. TCKT	27/10/1983	355 CMT8 -P12 - Q.10 - TP. HCM	023467475	472	4.720.000
170	PHẠM ĐỨC	THUẬN	Tổ trưởng làm túi	27/06/1974	15 ĐOÀN GIỎI . P.16 - TÂN BÌNH - HCM	023453626	1.312	13.120.000
171	NGUYỄN HỒ	THỦY	NV P. KTCN	04/02/1977	D9/282 ẤP 4 . ĐA PHƯỚC - BÌNH CHÁNH - HCM	022961271	945	9.450.000
172	NGUYỄN THỊ HỮU	THỦY	Phó phòng Kinh doanh	25/03/1964	33/19/5 LÝ THƯỜNG KIỆT . P.6 - Q.TÂN BÌNH - HCM	020997368	5.144	51.440.000
173	ĐINH THỊ HỒNG	THỦY	CN làm túi NM1	01/01/1974	59/29 B TRẦN PHÚ . P.4 - Q.5 - HCM	022796403	472	4.720.000
174	ĐINH MINH	TIÊN	CN cắt cuộn NM2	02/01/1977	11 ĐƯỜNG 27 KP2 . BÌNH TRƯNG - Q.2 - HCM	023104345	472	4.720.000
175	HÀ PHƯỚC	TỒN	NV NMCB	27/02/1970	108 LÔ C C/C HÙNG VƯƠNG - Q.5 - HCM	022593441	787	7.870.000
176	LÝ MẠNH	TƯỜNG	NV NMCB	18/10/1970	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	023272665	787	7.870.000
177	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Giám đốc NMBB2	09/06/1964	120/4 TRẦN HUY LIỆU - P15 - Q.PN - TP. HCM	023328961	5.144	51.440.000
178	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	CN làm túi NM1	18/02/1966	A2/15 QLỘ 50 - BÌNH CHÁNH - HCM	021229684	472	4.720.000
179	NGÔ MINH	TRÍ	CN cắt cuộn NM1	20/04/1965	7/18 ẤP 4 . TỔ 17 . TÂN HƯNG - Q. 7 - HCM	023452871	472	4.720.000
180	NGUYỄN VĂN	TRÍ	NV NMCB	27/08/1971	291/3 LŨY BÁN BÍCH . P.19 - TÂN BÌNH - HCM	022350856	472	4.720.000
181	VÕ MINH	TRÍ	CN cắt cuộn NM2	30/10/1978	810 HẬU GIANG . P.12 - Q.6 - HCM	024673203	472	4.720.000

182	PHAN TRẦN MINH	TRIẾT	NV P. Kinh doanh	11/02/1971	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	320746678	315	3.150.000
183	TRẦN THỊ KIM	TRINH	CN làm túi NM1	04/08/1971	82/7 KP5 - TỔ 50 - LINH CHIỂU - TP. HCM	022465663	472	4.720.000
184	LÂM MINH	TRƯỜNG	NV NM2	17/08/1969	496/17 SƯ VẠN HẠNH - P9 -Q10 - TP. HCM	021859599	472	4.720.000
185	NGUYỄN TẤN	TRUNG	NV P. Kinh doanh	23/09/1968	575/12A CMT8 . P.15 - Q.10 - HCM	022279097	472	4.720.000
186	TỪ TIẾN	TRUNG	CN cắt cuộn NM2	04/12/1976	97/4/2 KP8 - Q. BÌNH TÂN - TP. HCM	031207506	472	4.720.000
187	VÕ HOÀNG	TRUNG	NV NMCB	29/05/1971	45 TRẦN KHÁNH DƯ . P. AN HOÀ - TX RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	370906257	787	7.870.000
188	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	CN làm túi NM2	20/12/1977	16 PHAN BỘI CHÂU - TX GÒ CÔNG - TIỀN GIANG	311586228	472	4.720.000
189	CHẾ ANH	TUẤN	P. Giám đốc NMBB1	19/09/1960	305/31/17A LÊ VĂN SỸ . P. 1 - TÂN BÌNH - HCM	023500209	3.674	36.740.000
190	LÊ ANH	TUẤN	CN làm túi NM2	23/11/1978	179 CMT8 . TT XUÂN LỘC - LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI	271294886	472	4.720.000
191	NGUYỄN ANH	TUẤN	NV NMCB	08/10/1966	36 LÊ TỰ TÀI - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HCM	021969581	472	4.720.000
192	PHẠM HOÀNG	TUẤN	NV NMCB	25/02/1949	353/33 SƯ VẠN HẠNH NỐI DÀI - Q.10 - TP. HCM	023007139	787	7.870.000
193	TRẦN VĂN	TUẤN	Tổ phó bảo vệ	27/07/1962	333/97 TRẦN BÌNH TRỌNG . P.4 - Q.5 - HCM	022078371	409	4.090.000
194	PHAN LÊ MẠNH	TUÂN	Tổ trưởng máy in	02/09/1971	27/2B QUANG TRUNG - Q. GÒ VẤP - TP. HCM	024227788	1.312	13.120.000
195	ĐẶNG THANH	TÙNG	NV P. Kinh doanh	19/11/1976	KHỐI 14 . PHƯỜNG HƯNG BÌNH - VINH - NGHỆ AN	182107696	315	3.150.000
196	TRẦN THANH	TÙNG	NV P. R&D	11/12/1977	135/6 ẤP 7 XÃ LỘC THUẬN - BÌNH ĐẠI - BẾN TRE	320941159	504	5.040.000
197	PHAN KIM	TUYẾN	NV P. R&D	30/07/1971	208 NHẬT TẢO . P.8 - Q.10 - HCM	022473113	504	5.040.000
198	NGÔ THỊ BẠCH	TUYẾT	NV P. Kinh doanh	19/10/1966	61/ THẠCH LAM - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	021918462	1.312	13.120.000
199	NGUYỄN VĂN	ÚT	NV P. Kinh doanh	20/10/1975	B17/1 ẤP 2 . TÂN QUÝ TÂY - BÌNH CHÁNH - HCM	022895058	1.312	13.120.000
200	NGUYỄN QUANG	VIỆT	CN làm túi NM1	08/03/1974	NGHI VĂN - NGHI LỘC - NGHỆ AN	182038918	472	4.720.000

201	NGUYỄN THANH	VIỆT	CN làm túi NM1	08/03/1974	117/2 LŨY BÁN BÍCH - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	022720668	472	4.720.000
202	TRẦN ĐÌNH	VINH	Tổ phó máy tráng	03/09/1969	D20/41B ẤP 4 . BÌNH TRỊ ĐÔNG - BÌNH TÂN - TP.HCM	024103042	1.050	10.500.000
203	TRẦN PHÚ	VINH	NV P. KTCN	11/02/1971	350/31 LÊ VĂN QUỚI, KP11, BÌNH HƯNG HÒA A, Q.TÂN BÌNH	270903119	1.050	10.500.000
204	NGÔ QUỲNH UY	VŨ	CN làm túi NM2	15/04/1980	98/32 CMT8 - P.5 - Q. TBÌNH - TP. HCM	023333097	472	4.720.000
205	TRẦN	VŨ	CN máy in NM2	08/04/1963	11/63 NGUYỄN HỮU TIẾN - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM	020804643	472	4.720.000
	Tổng cộng						**300.000**	**3.000.000.000**

Tp. HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2007
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Lê Minh Cường